

NGŨ - TẮT - TỔ

VIỆT - NAM VĂN - HỌC

VĂN - HỌC ĐỜI - LÝ

文
學
叢
李

Nhà Sách KHAI - TRÍ

62, Đại - Lộ Lê - Lợi

HN

NGŨ TẤT - TỐ

VIỆT NAM VĂN HỌC

VĂN-HỌC ĐỜI LÝ

Nhà Sách **KHAI-TRÍ**

62, Đại Lộ ~~Lê Lợi~~, Saigon

Nói đầu

Lúc này (1) mà giờ đến chuyện nghiên cứu văn-học thật là một việc vu-khoát.

Tuy vậy, đối với hiện-tình văn-học của nước nhà, việc vu-khoát ấy có lẽ lại chính là việc cần có.

Bây giờ thử hỏi : Nước mình đã nên có một cuốn sử Văn-học hay chưa ?

Có lẽ cũng ít người muốn trả lời là chưa nên có, nếu hỏi vào hạng đã có học thức.

Phải ! chúng ta vẫn khoe nước mình là nước văn hiến, khai hóa đã bốn nghìn năm, nay đã gần như thế-

(1) Năm 1941. Sách này viết hồi năm 1941. Bây giờ, nền học thuật V. N. đã tiến triển rất nhiều. Lời chú của nhà Xuất bản.

kỳ hai mươi, vẫn chưa có được cuốn sử Văn-học, há hằng là việc đáng thẹn của một dân-tộc ?

Thế nhưng, cuốn sử văn-học không như cuốn tiểu-thuyết hay cuốn thi-ca . . . chúng ta muốn có lúc nào, nó sẽ có ngay lúc ấy. Đối với tình trạng nước ta ngày nay, soạn được cuốn sử Văn-học cho ra hồn, thật là một việc khó khăn, không phải sức lực một người, công phu vài bốn tháng, có thể làm được như ý.

Tại sao vậy ?

Các ngài hãy nghe những lời ông Lê-quý-Đôn than thở trong mục « Nghệ-văn-chí » của bộ « Đại-Việt thông sử ». Đối với bộ Đại-Việt thông sử, Nghệ-văn-chí là một phần nhỏ. Thế mà trong lúc làm đến mục đó, ông Lê-quý-Đôn đã phải kêu khan, kêu vā như vậy :

« Tôi đã từng đọc mấy tập Nghệ-văn-chí của các đời Hán, Tùy, Đường, Tống, thấy tên sách vở ghi ở trong đó, kể có hơn trăm vạn cuốn, giầu thịnh biết chừng nào. Những sách vở ấy, ở kho chứa sách của các vua chúa cất-chứa cực - kỳ tề-chỉnh, rồi ở nhà các sĩ - phu, thâu lượm tàng-chữ lại càng cẩn - thận, sự truyền

bá của nó cũng rất rộng rãi, cho nên, dù có trải qua mấy phen binh lửa, cũng không tan-lạc bao nhiêu.

« Nước ta gọi là nước văn hiến, trên từ các bậc đế vương, dưới đến kẻ thần-thú, phần nhiều đều có tri thức. Vậy mà gom góp cả lại, chẳng qua độ hơn trăm pho, so với sách vở của Tàu, chưa được bằng một phần mười. Sách đã ít, mà sự chứa cất lại rất sơ-sài : chỗ để sách không có định-cục, quan coi sách không có chính viên, những việc so-xét, sao-chép, phơi-phóng, cất-chứa, đều không có phép-lệ nào cả. Cho đến những kẻ học-hành, cũng chỉ mua chuốc thâu lượm cáo sách cử nghiệp, để hòng kiếm sự thi đỗ, hề thấy sách lạ đời trước không dính-lưu đến văn-tự khoa cử, thì họ bỏ không thêm sao, hay có sao chẳng, họ cũng ghi chép qua loa, không thêm kiểm lại. Còn như những người thích chứa sách cổ, thì lại ai để làm của riêng nấy, cố dấu cho kín, không nói với ai. Vì vậy, tìm sách rất khó, mà khi tìm được, lại nhan-nhân những chỗ làm lẫn, thiếu sót, không biết đặng nào mà chữa. Đó là một việc mà những người có chút kiến thức đều phải phân-nàn.

« Trong lúc nhà Trần còn thịnh, văn nhā rõ ràng, điển-chương chế-độ rất đầy đủ. Đến đời Nghệ tón, gặp giặc Chiêm-thành vào cướp, sách vở bị đốt, bị lấy gần hết. Sau đó, vừa mới thu thập được ít nhiều, lại đến ngay hồi họ Hồ mất nước, tướng nhà Minh là Trương-Phụ lấy hết sách cổ, sách kìm, đóng hòm đưa về Kim-lăng. Khi bản triều (chỉ vào nhà Lê) giệp yén giặc Minh, các nhà danh nho như các ông Nguyễn-Trãi, Lý-tử-Tấn, Phan-phú-Tiên đã cùng sưu tầm điển-nhā, lượm nhặt sách vở tàn sót, nhưng vì trải qua một cơn binh lửa, cho nên mười phần chỉ thu lại được chừng bốn, năm phần. Kế đó được vua Thánh-Tón ưa thích kinh sử, đầu hiệu Quang-thuận, ngài đã hạ chiếu tìm các dã-sử và thu truyện ký cổ kìm của các tư gia để đem tân dụng ; giữa hiệu Hồng-Đức, ngài lại hạ chiếu tìm những sách vở còn sót, để cất vào trong bí-các, người nào đem dụng các sách kỳ bí đều được ban thưởng rất hậu. Từ đấy các sách đời trước đã thấy xuất hiện luôn-luôn. Đến hồi Trần-Cao làm loạn, kinh-thành thất thủ, dân chúng tranh nhau vào

nơi cầm sớ, hồi cướp vàng lụa, sách vở bỏ ùn đường cái. Qua đời nhà Mạc, tuy đã thu thập, sao chép lại được đôi chút, nhưng đến khi nhà nước lấy lại kinh sư, thì biết bao sách vở lại bị thiêu cháy trong ngọn lửa binh. Cả đến sách của các nhà sĩ-phu chúa-đế cũng ít có người giữ được. Tan nát đến vậy, đáng tiếc biết chừng nào!

« Ngày nay, chẳng những các thứ chiếu sách sắc lệnh, tụng ca thi thập, nghị luận điển chương trong hơn ba trăm năm của hai đời Lý, Trần — có thể kể ra từng món — đều bị tàn mạt đầu mất, mà đến cả bộ « Thiên nam dư hạ tập » chép những chế độ, luật lệ, văn hàn, điển cáo của bản triều, mười phần cũng chỉ còn độ một hai ; lại còn bao nhiêu văn tập của tiền-hiền trong cuốn « Trích điểm thi tập » có ghi, bây giờ cũng chỉ còn được cái tên, không ai được biết nội dung ra sao. Than ôi ! Khổng-tử ngày xưa, tuy có phân nan về nỗi văn-hiến của hai nước Kỳ, Tống không đủ, nhưng sự không đủ đó chỉ là điển chương sách vở của đời đã xa, có đâu đến nỗi như ở bản-triều, bao nhiêu điển chương sách vở từ đời trung-hưng về trước đều, theo hai đời Lý, Trần cùng thành ra vật không có ».

Coi những dấu tích tang thương của Lê tiến-sinh đã kể ra đó chúng ta có thể nói rằng : Nếu cuốn văn-học sử của mình khởi thảo trong hồi Lê mạt, công việc tìm kiếm tài-liệu cũng đã khó nhọc lắm rồi. Huống chi từ đó trở đi, trong khoảng gần hai trăm năm, lịch-sử nước nhà lại thêm biết bao nhiêu cuộc binh-hòa.

Đến những thành quách lâu đài hồi ấy, nhiều chỗ ngày nay đã không còn biết dấu vết ở đâu nữa là sách vở là vật dễ mục dễ nát, dễ bị tiêu hủy.

Nhưng cái nạn chiến tranh ngày trước, cũng chưa tai hại bằng nạn hàng lọng, lò giấy ngày nay.

Hẳn ai cũng biết tài-liệu của cuốn VĂN-HỌC-SỬ nước nhà từ đầu thế kỷ 20 về trước, phần chính phải là chữ Hán, còn những văn-chương chữ nôm và chữ quốc-ngữ, chẳng qua chỉ là phần phụ.

Từ khi khoa cử bị bỏ, sách vở chữ Hán với ta đã thành ra vật vô dụng, vì không quan hệ đến sự học hành, giá trị của nó không hơn những mảnh giấy lộn. Bất kỳ vật gì, hễ không dùng đến, dần dần sẽ bị đào thải, đó là lẽ tất nhiên. Sách vở chữ Hán bây giờ, không thể tránh khỏi luật đó. Tôi đã từng thấy nhiều

nhà vì tham tiền hoặc vì không muốn bán mất, cam tâm đem những sách của cha ông trích trứ đã bao nhiêu đời, gán cho bọn đổi sách bằng một cái giá rất hạ. Thế rồi, bọn đổi sách đó lại đem bán lại cho hàng lọng hay lò giấy để làm giấy bồi lọng và bột chế giấy.

Từ lúc Hán học bị bãi đến nay, đầu đuôi mới độ ngoài hai chục năm, cái số sách vở chữ Hán hóa ra lọng xanh, lọng vàng, giấy moi, giấy phèn, không phải là ít. Hiện nay tài liệu của cuốn Việt-Nam văn-học sử chúng ta có thể trong cây nhiều nhất là trường Bắc-cổ Viễn-đông. Nhưng ở đây, con số của cuối mục-lục, về sách An-nam, mới được chừng hơn ba nghìn. Và trong đó lại có lẫn nhiều sách thuốc, sách địa - lý, sách xem chân gà, và hương-ước, gia-phả của các làng, các họ, nghĩa là những thứ không giúp ích cho cuốn VĂN-HỌC-SỬ của ta.

Cố nhiên ngoài trường Bắc - cổ cũng còn có nhiều sách khác đáng quý. Nhưng nó tản mác mỗi nhà vài quyển, ai mà thu thập lại được ?

Vả chăng, chữ Hán bây giờ đã không đặc dụng, có ngày nó sẽ tiêu diệt — cái ngày ấy cũng không xa

gì.— Khi mà chữ Hán ở ta không còn, thì những sách kia dù có còn nữa, cũng là vô ích. Đã đến lúc đó, e rằng sẽ có những kẻ vọc-vạch chữ Hán, công nhiên đóng vai nghiên cứu văn-học chữ Hán để vu oan cổ-nhân và đánh lừa hậu nhân. Như vậy, cuốn VĂN-HỌC-SỬ của mình còn ra trò gì ?

Sách đã đáng có, công-việc sưu-tầm tài-liệu cho nó lại rất khó khăn. Phải là người có một sức học xứng-đáng, lại có thì giờ mà làm và có tiền - bạc mà sống thì mới làm được hoàn-toàn.

Bấy nhiêu điều-kiện, hiện nay tôi còn chưa đủ, cổ-nhiên là tôi không thể làm nổi.

Vậy tôi soạn ra bộ sách này, cốt để giữ lại ít nhiều tài-liệu hòng góp vào cuốn sách mà chúng ta hiện đương cần có

Đành rằng kiến văn của một người vẫn có giới hạn những tài liệu mà tôi lần lượt trưng bày ra đây, không phải đã đủ để làm cuốn văn - học sử nước nhà. Song biết đến đâu, tôi sẽ cứ theo tài lực mà làm đến đấy. Nhưng tài liệu ấy dùng được hay không, còn tùy ở sự lựa chọn của người sau này.

Ngô-tất-Tố

VĂN-HỌC ĐỜI LÝ

LỜI BÀN CHUNG

NHỮNG lời ông Lê quý - Đôn than thở trong bài « nói đầu » đã có dẫn vào nếu đem nghiệm với tài-liệu văn-học của đời Lý, càng thấy đúng lắm. Nhà Lý bên ta cũng ngang với triều nhà Tống bên Tàu. Ở Tàu hồi ấy, tư tưởng học thuật đã cực phát đạt. Từ đó về trước, ngược qua mấy đời Ngũ quý, Đường, Tùy, Lục-Triều, Hán và Tần, cho đến nhà Chu, giăng giặc hơn một nghìn năm, sách vở của họ xuất hiện và còn giữ được không biết mấy vạn bộ. Trong đó đủ cả triết-lý, văn-chương, chánh-trị, kinh-tế và nhiều môn khác, mà phần nhiều đều rất được tường tận, tinh-vi. Ở mình thì thật quạnh hiu. Những bậc đại-nho túc-học như mấy ông Lê-quý-Đôn, Bùi-huy-Bích, Phạm-đình-Hồ và Phan-huy-Chú, hết sức tìm tòi tra-cứu cũng chỉ thấy được ở quốc-sử mấy

bài tản-văn và ít bài vận-văn ở sách « Thiên-nguyên tập anh » thế thôi. Đành rằng nước mình hồi đó, mới có được từ Hà-lĩnh trở ra, đất cát chỉ bằng nửa tỉnh của Tàu, hơn nữa mình còn mượn chữ của họ mà làm sách vở, thì không thể nào mong được giàu thịnh bằng họ. Nhưng sau hai đảng chèn nhau nhiều quá, đem của mình đề cạnh của họ, khác gì cái bẻ với cái duộc.

Văn biết điều đó chưa đủ làm cho chúng ta ngã lòng. Vận hội một nước, trông ở tương lai vẫn nhiều hơn trông ở quá khứ. Song đến đời Lý là đầu thế-kỷ mười một và cuối thế-kỷ mười hai mà rừng văn-học của mình hãy còn lơ thơ như vậy thì cuốn văn-học sử của mình sau này cũng không được tốt đẹp cho lắm.

Nhưng không phải sự nghiệp trừ-thuật của nhà Lý chỉ có bấy nhiêu.

Theo mục nghệ văn-chi của sách « Đại-Việt thông-sử » và mục « văn-tịch chí » của sách « Lịch-triều hiến-trường », thì trong đời Lý còn có những thứ sách này :

1— **Ngọc-diệp** một quyển, soạn trong năm thứ 17 hiệu Thuận-thiên đời vua Thái-tổ, không biết soạn-giả là ai.

2— **Hình-thư** ba quyển, do vua Thái-tôn sai tòa Trung-thư chăm-chước sự nên chăng của hồi đó mà làm, đã có ban khắp trong nước trong sách

chia nhiều môn loại, ngành ngọn rất rành rọt.

3— **Chư phật tích duyên**, không rõ là bao nhiêu quyển, do vua Nhân-tôn sai người thiền-sư tên là Bảo-Giác soạn ra, trong sách nói về sự tích các Phật.

4— **Tăng-gia tạp-lục**, đúng năm chục quyển, cũng của thiền-sư Bảo-Giác, trong sách nói về các chuyện nhà chùa.

Những cuốn sách này đều bị thất-lạc từ lâu, hai tác-giả của hai pho sách trên kia đều không được thấy.

Trong sách « Kiến-văn-tiêu-lục », ông Lê-quý-Đôn còn nói những bài này nữa :

1— Bài minh quả chuông của chùa Thiên-phúc trên núi Phật tích do sư Huệ-thúy soạn năm Nguyên-hóa (?) thứ chín.

2— Bài văn bia của chùa Sùng-nghiêm diên-khánh ở xứ Ái-châu (tức là Thanh-hóa) do sư Pháp-bảo soạn năm Đại-khánh (1) thứ chín.

3— Bài văn bia của tháp Lăng-già, do Pháp-sư Lê-kim soạn năm Hội-phong (2) thứ nhất.

4— Bài minh quả chuông và bài văn bia của chùa Viên-quang đều do sư Dĩnh-đạt soạn năm Duệ-vũ (3) thứ ba.

5— Bài văn bia của tháp Sùng thiện diên-linh trên núi Long-đội, do viên Binh bộ viên-ngoại lang Mai-Bật soạn năm Duệ-vũ thứ ba.

6— Bài văn bia của chùa Linh xứng ở núi Ngưỡng thuộc xã Ngọ-xá huyện Vĩnh Phúc (nay thuộc tỉnh Thanh-Hóa), do sư Pháp-bảo soạn năm Duệ-vũ thứ bảy.

7— Bài văn bia ở chùa Diên-phúc của thôn Cổ-Việt do người khách nhà Đỗ-anh-Vũ tên là Nguyễn-Diệm soạn năm Đại-khánh thứ tư.

Nhưng những bài đó đều không chép vào cuốn Kiến-văn tiều-lục.

Cứ như các bộ Đại-Việt sử-ký của triều Lê, Đại-Việt sử-ký của triều Tây-Sơn đã nói, thì về đời Nhân-tôn, hình như có ông Đỗ-Thiện đã soạn một cuốn sử-ký sau này ông Lê-văn-Hưu cũng có căn cứ vào đó mà viết ra bộ Đại-Việt sử-ký, nhưng chưa rõ sách ấy vào loại sử nào và mai một từ bao giờ.

Đó mới là những sách và văn có ghi tên trong sử hoặc trong các sách.

Ngoài ra, trong chỗ không ai biết đến, ắt hẳn còn có nhiều nữa.

Nói vậy không phải là nói vu vơ. Trong cuốn Kiến-văn tiều-lục, ông Lê-quý-Đôn nói rằng : Hai vua Thái-tôn, Nhân-tôn và nhiều tăng đạo đời Lý đều là những bậc hay chữ, giỏi thơ. Lại như các sử đã nói thì mấy ông Lê-văn-Thịnh, Lê-bá-Ngọc, Mạc-hiền-Tích và Tô-hiến-Thành đều là những tay văn-học có tiếng, kiến-thức rất rộng. Và ở đời Lý,

cũng đã có tòa Trung-thư, tòa Hàn-lâm là nơi coi về công việc trù-tác, chứ không cầu thả như hai đời Đinh, Lê. Thế thì trong hai trăm năm lẽ nào lại có bấy nhiêu sách vở, văn-chương mà thôi ? Chắc còn nhiều nữa. Nhưng vì lúc ấy nghề in chưa xuất hiện, sự truyền bá chưa được rộng rãi, cho nên nó phải mai một.

Đời thì xa, tài liệu lại bị thất lạc, bây giờ bàn về văn học nhà Lý mà muốn tìm một câu kết-luận xác đáng, không phải là sự dễ dàng.

Có người nói trình độ văn-học nhà Lý đã cao, lại có người bảo đời ấy văn-học rất kém, ngày xưa các bậc tiền bối vẫn còn phân vân như vậy.

Nhưng xét cho kỹ thì hai thuyết đó đều chưa đúng với sự thực, vì nó quá ư « lung-thống ».

Muốn hiểu chân tướng của văn học đời Lý, cần phải chia làm nhiều đoạn và phải nhận rõ cái mực Hán học hồi đó ra sao.

Nước ta theo học chữ Hán kể đã lâu lắm, một là từ đời Sĩ-Nhiếp, hai là từ đời Tích-Quang, ba là từ đời Triệu-Đà. Không cần biết là tự đời nào, chúng ta có thể nói quả quyết rằng : Cái học từ đời Bắc-thuộc trở đi đến đời nhà Ngô, chỉ là học để giao thiệp với người Tàu, không phải học để thấm thái văn hóa của họ. Sự học ấy hãy còn lơ mơ, sơ-lược, cho nên trong hơn nghìn năm, nó không để lại cho ta một dấu vết gì.

Xuống đời nhà Đinh, đại khái cũng vẫn mực ấy.— Nếu không thế thì sao Tiên-hoàng lại đến đặt cho nước mình cái tên nửa tự nửa nôm?

Đến nhà Tiền-Lê, hình như đã vượt được qua bậc đó.

Trong lúc Bắc-sử Lý-Giác sắp-sửa về Tàu, pháp sư Đỗ-Thuận có làm cho vua Lê-Đại-Hành một bài văn vần tiên hãn, gọi là bài hát « Đưa Ngọc-lang về nước », nguyên văn như sau :

祥光風好錦帆張
 Tường quan phong hảo, cảm phàm trương,
 神仙復帝鄉
 Thần tiên phục đế hương,
 千里萬里涉滄浪
 Thiên lý vạn lý thiệp sương nương,
 九天歸路長
 Cửu thiên qui lộ trường,
 人情慘切對離觴
 Nhân tình thảm thiết đối ly trường.
 攀戀星星郎
 Phan luyến tinh tinh lang,
 願將深意爲南疆
 Nguyên tương thâm ý vị Nam cương,
 分明報我皇
 Phân minh báo ngã hoàng.

Tôi có lược dịch như vầy :

*Trời quang, gió thuận, buồm giương.
Thần-tiên chốc đã giục đường Bồng-lai,
Móng-ménh muốn dặm bề khơi,
Lối về trong bóng chín trời xa xa.
Bâng khuâng trước chén quan hà,
Mến ai, lòng những thiết-tha nỗi lòng.
Xin ai vì cõi Nam-trung,
Rõ ràng gửi lại mặt rồng trước sau.*

Bài ấy tuy rằng non-nớt nhưng rất đẹp nhời. Ông Lê-quý-Đôn cũng khen cái vẻ nuốt-nà tươi-đẹp của nó có thể vốc được.

Nhưng ngoài bài đó, không thấy một món gì khác có thể đảm bảo cho sự học của đời ấy. Vậy thì từ đời Tiền-Lê về trước, mục Hán học cũng chỉ thế vầy mà thôi.

Hồi đầu nhà Lý, tiếp luôn một mặt của nhà Tiền-Lê, cố nhiên sự học vẫn phải đứng yên mực cũ, dù ma lúc đó đã có những tay văn học như sư Vạn-Hạnh. Hãy coi cái tôn-hiệu của Lý-Thái-tổ thì biết.

Trong lúc Thái-tổ mới lên ngôi vua, quần-thần dâng tôn hiệu là :

«Phụng thiên chí lý, ứng vận tự tại, thánh minh long hiện, duệ văn anh vũ, sùng nhân quảng hiếu, thiên hạ thái bình, khâm minh quang trạch, chương

minh vạn bang, hiện ứng phù cớ, uy chấn phiên man, duệ mưu thần trợ, thánh trị tắc thiên, đạo chính, hoành đế».

Thật là lũng củng lời thôi, từ xưa đến nay, chưa vị hoàng đế nào tên tuổi dài-dợ quái gở như thế.

Hợp cả sức học của triều-thần đề đặt cho vua cái tên mà còn bất thông, đủ rõ trình-độ Hán-học hồi này là thế nào.

Song chỉ một hồi ấy thôi. Cách đó không lâu, sự học đã thấy tiến bộ rất nhanh chóng.

Nhưng trên mới nói, trong đời Thái-tôn, nhà vua đã giỏi nghề thơ, ở tòa Trung-thư đã có người làm được sách vở, ấy là bằng chứng của nền Hán học hồi đó.

Đến đời Nhân tôn càng thịnh-vượng hơn.

Trong sách « Danh-tiết lục », về chuyện ông Lê-văn-Thịnh, ông Trần-ký-Đăng— tác giả sách đó— chép rằng: Trước Nhân-tôn, chưa có khoa cử, những kẻ thông minh nhanh nhẹn, đều phải do bọn thích đạo lựa trợn và cất nhắc cho. Văn-Thịnh riêng vẫn ham đọc sách Nho, cặm cùi suốt ngày không biết mỏi...»

Trong sách « Thiền-uyên tập-anh » cũng có nhiều vị thiền-sư như sư Ngô-ấn, sư Bảo-dám, đều là con nhà thường dân, thuở nhỏ đều theo nghiệp Nho.

Đó là việc học đã vượt ra ngoài phạm-vi của triều-đình và bọn thầy tu mà lan xuống đến dân gian rồi vậy.

Từ đó mà đi. Hán học mỗi ngày mỗi bành-trướng. Những tay danh Nho cùng nối gót nhau ra đời, dần dần trong nước có đủ người đề cử vào tòa Hàn-lâm, tòa Kinh-diên và các kỳ thi-cử. Làm cho chính-trị phong-tục được có trật-tự, có kỷ-cương, xây nên một nền văn-hóa lốt đẹp cho nhà Lý, đều là sức của Hán-học.

Vậy thì bàn về văn-học nhà Lý, chúng ta có thể kết luận như vậy:

Đời Thái-tổ còn là thời kỳ ấu-chĩ, đời Thái-tôn bắt đầu phát đạt, từ đời Nhân-tôn về sau, thì là thời kỳ thịnh-vượng.

Một điều nên nhận rõ là: cái kết quả rực rỡ của Hán-học đời Lý không phải hoàn toàn là của Nho-giáo. Trong nền văn học nhà Lý, Nho-giáo chỉ là phần phụ, Phật-giáo mới là phần chính.

Cái đó không có chi lạ. Học thuật thường phải dựa theo phương hướng của chính trị. Chính trị ngành về đường nào, học thuật cũng phải đi theo đường ấy.

Nước ta trong hồi Đinh Lê, Phật giáo đã rất thịnh hành, vua Đinh-tiên-Hoàng đã phong một người tăng-thống là Ngô - châu - Lưu làm chức

Khuông-Việt thái sư, vua Lê-dại-Hành thì có sai sứ sang Tàu để xin bộ kinh Đại-tạng. Hình như vua chúa bấy giờ mới biết có Phật-giáo, chưa biết có Nho-giáo.

Nhà Lý không cách nhà Lê mấy ngày, vua Lý Thái-tổ thuở nhỏ lại có nương tựa ở đám thầy chùa, tất nhiên là phải quy phục và ủng hộ đạo Phật hơn các vua trước.

Ngay lúc mới lên làm vua, Thái-tổ đã ban áo mặc cho bọn tăng đạo. Sang năm Thuận - thiên thứ nhất, lại phát hai vạn quan tiền để cất lên tám ngôi chùa ở phủ Thiên - Đức . Rồi ở trong và ngoài thành Thăng-Long cũng dựng lên mấy nếp chùa như chùa Hưng-thiên, chùa Vạn-tuế, chùa Thăng-nghiêm, chùa Thiên-vương, chùa Cầm-y, chùa Long-hưng, chùa Thánh-thọ, chùa Thiên-quang, chùa Thiên-đức v.v. Và ở các nơi thôn quê, những chùa chiền nào đổ nát, cũng bắt sửa lại tất cả.

Sang năm thứ tám, Thái-tổ lại sai sứ thần sang Tàu xin kinh Tam-tạng. Khi được vua Tống ban cho ông ấy lại bắt một người thiền sư lên là Phí-Trí đi tận Quảng-tây đón về và để vào kho Đại-hưng.

Cách hai năm sau, Thái-tổ lại độ hết thầy bàn dân thiên-hạ làm sư, và phát vàng bạc đúc mấy

quả chuông để đem treo ở các chùa Hưng-thiên, Đại-giáo, Thắng-nghiêm.

Đến năm Thuận-thiên thứ mười lăm, ngài lại xây chùa Chân-giáo ở trong thành và bắt các sư vào đó tụng kinh rồi ngài thân hành đến nghe.

Từ đó trở đi. Phật-giáo càng được các vua vun trồng bồi đắp.

Vua Thái-tôn trong năm Thiên-thành thứ tư, xây dựng vừa chùa vừa quán tất cả chín trăm rưởi sở. Đến năm Thiên - thủy thứ nhất, lại đúc tượng phật Đại - nguyên đặt ở thềm rồng. Sang năm Kiến-phù hữu-đạo thứ hai, vừa vẽ, vừa tạc, mỗi đẳng hơn nghìn pho tượng, và may hơn vạn lá phướn, để đem phân phát cho các chùa. Qua năm Sùng-hưng đại-bảo thứ hai lại dựng lên chùa Diên-hựu và cho sư vào tụng kinh. Rồi năm Long-thủy thái-bình thứ ba lại cất ngôi chùa ở phường Báo-thiên và xây lại đó một ngọn tháp 12 tầng, cao vài chục trượng và phát hai vạn cân đồng đúc một quả chuông.

Kể qua hai đời, cũng đủ thấy rằng Phật-giáo đời Lý đã được săn-sóc đặc biệt. Mấy ông vua sau cũng vậy, không ông nào là không làm chùa chữa chùa.

Còn với Nho-giáo thì đâu được thế ?

Trong hồi nhà Lý trị vì chừng 50 năm, các vua đều chưa nói gì đến chuyện Nho - học. Mãi

năm Thiên-huống bảo-tượng thứ hai (1069), Thánh-tôn mới sai dựng nhà văn - miếu, đúc tượng Chu-công, Khổng - tử cùng tượng tứ phối và vẽ tượng 72 học trò lớp cao của cụ Khổng, rồi bắt thờ cúng quanh năm và sai thái-tử tới đó mà học.

Đến năm Thái-ninh thứ tư (1075), Nhân - tôn mới dùng ba trường để thi học trò trong nước. Rồi năm Anh-vũ chiêu-thắng thứ nhất (1076), mới đặt nhà Quốc-tử-giám, và bỏ những người văn - thần có văn-học vào coi nhà ấy, và năm Quảng - hựu thứ hai (1086) có thi những kẻ văn học để bỏ vào tòa Hàn-lâm.

Có lẽ trong đời Nhân-tôn, Nho - giáo đã được săn-sóc chăm-nom nhiều nhất.

Sau đó, trong năm Thiên-thuận thứ-nhất (1128) Thần - tôn bắt đầu ra nghe giảng sách ở tòa Kinh diên.

Trong năm Đại-đinh thứ mười ba (1152), Anh-tôn có mở ra kỳ điện - thi để cho học trò trong nước vào thi. Cách mấy năm sau, vua ấy lại lập riêng một ngôi miếu để thờ Khổng-tử ở phía nam thành Thăng-long. Tới năm Chính-long bảo-ứng thứ ba, Anh-tôn lại đặt một kỳ thi nữa để thi học sinh.

Trong năm Trinh-phù thứ mười (1186), Cao-Tôn cũng mở kỳ thi, kén lấy những người từ 15 tuổi trở xuống, mà đã thông hiểu kinh Thi, kinh Thư, để bổ làm chức Thi-học ở tòa Kinh - diên,

Ấy đó, suốt tám đời vua nhà Lý, công việc đối với Nho - giáo đại khái mới có bấy nhiêu. Nếu đem ví với Phật - giáo, thì thấy chênh lệch biết chừng nào !

Vì vậy, văn-học đời Lý mới bị Phật-giáo chiếm quyền bá chủ.

Ngoài Phật-giáo và Nho-giáo ra, nhà Lý cũng còn sùng thượng cả Đạo giáo, (đạo của Lão-tử) nữa. Nhưng hình như Đạo - giáo hồi đó bị chôn lộn vào với Phật - giáo, cho nên ở trong văn - học không thấy có ảnh hưởng riêng.

Đó mới là nói về đại - thể, muốn biết tường tận, hãy coi những bài thơ văn sau đây.

1-2-3 Tức là Hội-tường đại-khánh và Thiên-phủ duệ-vũ, hai niên hiệu của Lý Nhân-tôn. 2-Niên hiệu của Lý Thái-tôn.

I.— VẠN HẠNH THIỀN-SƯ

(Khoảng đầu thế-kỷ XI)

Ông người làng Cổ - pháp (nay là làng Đình-bảng, thuộc phủ Từ-sơn tỉnh Bắc-ninh), họ Nguyễn, chưa rõ tên tục là gì. Nhà ông đời đời thờ Phật, từ thuở nhỏ, ông đã tỏ ra người thông minh khác thường, học khắp tam giáo, khảo cứu nhiều (luận) của nhà phật, và rất nhát - nhẽo với chuyện áo-xiêm. Năm hai mươi hai tuổi thì ông xuất - gia, cùng với Định - huệ thiền - sư theo học Lục - tổ ở chùa Dịch-bảng phủ Thiên - đức (nay là phủ Từ-sơn). Trong khi công-việc nhà chùa hơi rỗi, ông lại cặm-cui học tập, quên cả mỗi mệt.

Sau khi Lục-tổ chết rồi, học - lực của ông rất tiến. Những câu ông nói, đều thành ra lời phù xấm (1) Vua Lê Đại-hành rất là tôn kính.

1— Văn-chương đời Lý còn lại ngày nay hầu hết là của các sư, vì vậy, ở tầu-sử của tác giả cũng có nhiều chỗ hoang đường không đáng tin. Sở dĩ có một vài chỗ chưa bị lược đi, là muốn để cho người đọc nhận biết xu hướng học thuật của đời ấy.

Đầu hiệu Thiên-phúc, nước ta bị tướng nhà Tống là Hầu-Nhân-Bảo đem quân sang đánh, vua ấy mời ông vào triều đề hỏi về sự được thua. Ông đoán trong ba bảy ngày quân-giặc tất-nhiên phải lui. Rồi sau quả đúng như nhời ông nói. Khi Lý Thái - tổ sắp thay nhà Lê làm vua, trong nước cũng xảy ra nhiều điềm lạ, ông đều đoán trúng được cả. Vì vậy sang đời nhà Lý, ông lại càng được trọng đãi.

Đến năm Ứng-thiên thứ 9 thì ông tạ thế. Nhà vua và các sỹ thứ có xây tháp để chôn hài cốt của ông.

示 第 子
THỊ ĐỆ TỬ

身 如 電 影 有 還 無
Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
萬 木 春 榮, 秋 又 枯
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô,
任 運 盛 衰 無 怖 畏
Nhiệm vận thịnh suy vô bố úy,
盛 衰 如 露 草 頭 鋪
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Giải nghĩa

Bài này ý nói cõi đời không có cái gì vĩnh-viễn, thân của người đời, cũng như bóng chớp, có rồi lại biến thành không, các thứ cây cối, mùa xuân tươi, mùa thu lại khô. Vận của cõi đời dù có lúc thịnh, lúc suy, nhưng cũng đừng sợ, sự thịnh suy đó chỉ là những việc tạm thời, cũng như giọt sương đọng trên ngọn cỏ vậy.

Phiên dịch

BẢO CÁC ĐỒ ĐỆ

*Thân như bóng chớp có rồi không,
Cây cối xuân tươi, thu nào nùn.
Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hấy,
Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông.*

II.—THÁI-TÔN

(Khoảng giữa thế-kỷ XI)

Ngài tên là Phật-Mã, con trai Thái-lỗ, thiên-tư rất thông-minh, hiểu hết các môn lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số, lại rất thạo về phép hành-binh, Chính ngài đã tu đem quân đánh nước Chiêm-thành, chém được Xạ đầu, bắt được nàng My-Ê và hơn nghìn quân Chăm. Về đường văn học ngài cũng chịu khó nghiên cứu các sách, rất thích ngâm thơ, làm văn. Trị vì được 27 năm, thọ hơn năm chục tuổi.

與諸耆宿講究禪旨
DỮ CHƯ KỲ TÚC GIẢNG CỨU THIỀN CHỈ

般 若 真 無 宗
Bát nhã chân vô tông
人 空 我 亦 空
Nhân không ngã diệc không
過, 現, 未 來 佛
Quá, hiện, vị - lai phật,
法 性 本 相 同
Pháp tính bản tương đồng.

Phụ lục

Bây nay Thái-tôn làm ra trong lúc chơi chùa Vạn phúc. Bấy giờ nhân cùng già lão các nơi bàn về đạo thiền, Thái-tôn có bảo bọn đó mỗi người thử nghĩ mấy câu tỏ qua ý mình, để xem chỗ dụng tâm của mọi người khác nhau thế nào. Khi mà bọn kia còn đương lẫn lộn nhằm đặt từ, ngài đã nghĩ xong được bốn câu này, cả đám đều phải phục là nhanh nhẹn.

Dẫn chú

Bát nhã : *Tiếng của nhà Phật, có chỗ giải là trí tuệ, có chỗ giải là trút hết ý nghĩa còn-bộỵ, trở về cõi thanh tịnh.*

Quá, hiện, vị lai : *Tức là đã-quá, hiện-giờ và chưa tới.*

Không : *Trống rỗng, không có gì, đối với « sắc » là có màu-vẻ.*

Pháp tính : *Đức tính mẫu-nhiệm thiêng-lêng của Phật.*

Giải nghĩa

Bài này Thái tôn tự kể chỗ mình hiểu về đạo Phật, ý nói: Đạo Phật vốn không có riêng ngành gì. Cho được tới chỗ cùng cực của đạo ấy, người và mình đều là hư không. Các Phật đời xưa, đời nay và đời sau, cũng đều chung một tính mẫu nhiệm ấy.

Phiên dịch

CÙNG CÁC GIÀ LÃO BÀN VỀ Ý NGHĨA ĐẠO THIỀN

**Đạo Phật vốn không gì,
Người không, mình cũng không.
Trước, rồi, sau, các Phật,
Pháp-tính vẫn cùng chung.**

追 替 法 雲 寺 毘 尼
 TRUY TÁN PHÁP - VÂN TỰ TỲ-NY
 多 流 支 禪 師
 ĐA LƯU CHI THIỀN SƯ

創 自 來 南 國
 Sáng tự lai Nam quốc,
 聞 君 久 習 禪
 Văn quân cửu tập thiền,
 應 聞 諸 佛 信
 Ứng khai chư Phật tín,
 遠 合 月 心 源
 Viễn hợp nhất tâm nguyên
 皎 皎 楞 伽 月
 Hạo hạo Lăng già nguyệt,
 芬 芬 般 若 蓮
 Phân phân Bát nhã liên,
 何 時 臨 面 見
 Hà thì lâm diện kiến,
 相 與 話 重 玄
 Tương dũ hoại trùng huyền.

Bị khảo

Câu thứ nhất, Toàn - Việt thi - lục chép là
 飛 錫 來 南 國 (Phi tích lai Nam-quốc).

Câu thứ bảy, Việt-âm thi-tập chép là 何 時
 再 得 見 (Hà thì tái đắc kiến).

Nhưng ở Thiền-uyên tập anh và Hoàng-Việt thi-tuyển đều chép như trên.

Dẫn chú

Tỳ-ny-đa-lưu-chi thiền-sư: Ông này người nước Đông Thiên-trúc (một bộ phận trong nước Ấn-Độ), thuộc về dòng giới Bà-la-môn, thuở nhỏ đã có chí muốn vượt khỏi cõi tục, từng đi khắp xứ Tây - trúc, đề tìm tâm ấn pháp - duyên của Phật. Nhưng vẫn chưa được mãn nguyện, ông ta lại sang phương Đông. Năm thứ sáu hiệu Đại-kiến nước Trần (một triều đại trong đời Lục-triều bên Tàu), ông ấy mới tới Trường an. Nhằm khi Vũ-đế nhà Chu có lệnh hủy diệt Phật - pháp, ông ta lại phải đi xuống đất Nghiệp. Sau khi đã gặp Tam-tò, ông ấy theo lời ông này tới miền Quảng châu, vào ở trong chùa Chế - chỉ ước chừng sáu năm, có dịch được nhiều kinh Phật. Qua năm thứ hai hiệu Đại - tường nhà Chu, mới sang nước ta và ở tại chùa Pháp-vân, lại dịch được một cuốn kinh Tổng-trì. Về sau gặp được thiền-sư Pháp - hiên, thầy trò rất tương - đắc. Ông ấy đem hết những điều sở-đắc của mình, truyền cho Pháp-hiền thiền-sư. Đến năm thứ 14 hiệu Khai-hoàng nhà Tùy (654) thì mất, Thiền-sư Pháp-hiền có dựng tháp thờ.

Lăng già : Tên một trái núi ở đảo Tích - lan thuộc xứ Nam Ấn - độ. Theo sách Phiên - dịch danh - nghĩa tập. Phật đã nói kinh Lăng - già ở trên núi ấy. Vì vậy người ta hay dùng chữ ấy để nói bóng về đạo Phật.

Giải nghĩa

Bài này chủ ý tán tụng Tỳ ny-đa-lưu-chi thiền-sư, đại khái khen thiền sư ấy là người tự mình đi đến

nước Nam trước tiên. Nghe nói trước khi tới đây, ông đó đã học đạo Phật từ lâu. Vì muốn mở rộng đường tin của các Phật, cho nên không quản khó nhọc mà sang phương Đông. Ở nơi xa xôi, may lại được gặp Pháp-hiền thiền-sư là người chung một nguồn lòng, thì cũng phu công. Bây giờ ông ấy đã mất, nhưng đạo-hạnh của ông ta vẫn còn vắng-vắc như vắng trắng trên núi Lãng-già, ngào ngạt như mùi sen trong cối Bát-nhã, khiến mình hăm mộ vô cùng. Không biết còn có ngày nào ông ấy tái sinh, để mình lại được thấy mặt, mà cùng nói chuyện về lẽ huyền-bí mẫu-nhiệm của đạo Phật hay không.

Phiên dịch

TRUY TÁN THIỀN-SƯ TỶ-NY ĐA LƯU-CHI Ở CHÙA PHÁP-VĂN

Cõi Nam đầu bước tới,
 Nghe đã đượm màu thiền,
 Tin Phật mong thêm rộng,
 Nguồn lòng khéo hợp duyên.
 Non Già lồng bóng nguyệt,
 Cối Nhã nức mùi sen,
 Hợp mặt chừng bao tá ?
 Cùng nhau giảng lẽ huyền.

III. — HUỆ-MINH THIỀN-SƯ

(Khoảng giữa thế-kỷ XI)

Ông họ Lâm, tên tục là Khu, người làng Đông-phù-liệt, nguyên là con cháu Lâm Phú ở Trà-sơn. Thuở nhỏ tướng mạo rất khôi ngô, ăn nói rất lưu-loát, đã nổi tiếng là bậc chữ tốt văn hay. Những khi học Nho còn thừa thì giờ ông lại nghiền thêm sách Phật. Các kinh, các luận, không thứ nào ông không coi. Mỗi khi nói đến những chỗ cốt yếu của Phật-pháp, ông thường than thở và rỏ nước mắt. Gần bảy mươi tuổi mới bỏ tục đi theo Định-Huệ thiền-sư, huyền học càng ngày càng tiến. Từ đó, vết chân ông hầu khắp từng lâm, rồi ông lên ở trên núi Bồ-đề. Mỗi lần nhập định ít ra cũng phải năm ngày. Người ta đã gọi ông là Phật xác-thịt.

Vua Thái-tôn nghe thấy tiếng ông, ngài có sai người đến vời. Trước ông đã từ chối không đi, sau vì nhà vua cố ép, bắt buộc ông phải tới cửa

khuyết. Sau khi ông thừa hết các điều hỏi, Thái-tôn rất ưng ý, liền phong làm nội-cung-phụng-tăng và truyền cho ở trong chùa Vạn-phúc ở thành Thăng-long. Lúc ấy các vị vương công trong triều, nhiều người đều đến hỏi về đạo Phật và đều coi là bậc thầy. Sang đời Thánh-tôn ông được phong làm Tả-nhai-đô-tăng-thống. Đến năm Gia-khánh thứ năm thì mất. Ông có soạn ra nhiều bài văn bia ở các chùa Thiên-phúc, Thiên-thánh, Khai-quốc, Diệu-nghiêm, Báo-đức ở vùng Tiên-du Vũ-minh và làm ra mấy cuốn Pháp-sự trai-nghi, Đạo-trường Khánh-lân-văn, hiện nay sưu-tầm chưa được.

對 太 宗 參 問 禪 旨

ĐỐI THÁI-TÔN THAM VẤN THIỀN CHỈ

寂 寂 楞 伽 月

Tịch tịch Lăng-già nguyệt,

空 空 渡 海 舟

Không, không độ hải chu,

知 空 空 覺 有

Tri không, không giác hữu,

三 昧 任 通 週

Tam muội nhiệm thông chu.

Phụ lục

Trong lúc Thái-tôn chơi chùa Vạn-phúc, cùng các già-lão bàn về ý nghĩa đạo thiền, tác-giả cũng có ở đó. Bài này chính là theo lời Thái-tôn mà làm ra.

Dẫn chú

Tam muội : *Tiếng của nhà Phật, nghĩa là dứt hết các duyên, chỉ chuyên gắn lòng về lẽ hư-vô tịch - diệt, tức là những các tu - dưỡng của đạo Phật. Người ta cũng mượn chữ đó để nói về chỗ sâu-xa mẫu-nhiệm của một học thuyết hay một tôn-giáo.*

Giải nghĩa

Bài này ý nói : chỗ cùng tột của đạo thiền, cũng im lặng như bóng trắng trên núi Lãng-già, hư không như chiếc thuyền vượt qua khơi biển. Hề hiểu được cái lẽ « có tức là không, không tức là có », ấy là đi tới chỗ sâu-xa mẫu-nhiệm của đạo Phật.

Phiên dịch

ĐÁP LỜI THÁI-TÔN HỎI VỀ Ý NGHĨA ĐẠO THIỀN

Non Già vầng nguyệt tĩnh,
Biển thẳm chiếc thuyền không.
Hiểu thấu « không » và « có »,
Rừng Thiền mọc ruổi-rong.

IV.— CỨU-CHỈ THIỀN-SƯ

(Phần trên thế kỷ XI)

Ông họ Đờm, chưa rõ tên tục là gì, người làng Phú-đờm, phủ Chu-minh. Thuở nhỏ rất ham học, các sách về đạo Khổng, đạo Phật, sách nào cũng đọc. Một hôm ông gập sách và than : Khổng-tử, Mặc-tử câu-tráp về lẽ « có » ; Trang-tử, Lão-tử đâm-đuối về lẽ « không » ; những cách vụn vặt của thế tục, đều không phải phương pháp giải thoát. Chỉ có Phật-giáo không kẻ có không, có thể kết liễu được cuộc sống thác, nhưng phải tự tu rất nghiêm-ngặt mới được. Rồi ông đến thăm Định-hương trưởng-lão ở chùa Cẩm ứng xin làm học trò. Vì khi nghe lời trưởng-lão, ông hiểu ngay được ý muốn nói, nên mới đặt tên là Cứu-chỉ. Sau đó ít lâu ông làm sư ở chùa Quang-minh trên núi Tiên-du. Luôn sáu năm khổ-hạnh tu-hành, chân không bước xuống dưới núi. Tiếng đồn tới kinh, Thái-tôn mấy lần đến chùa thăm hỏi. Trong năm Long-thủy thái-bình, Tể-tướng Dương-đạo Gia mời ông về ở ngôi chùa của mình là chùa Diên-linh trên núi Long-đội. Đến năm Chương-thánh gia-khánh thì mất.

示 寂
THỊ TỊCH

覺 了 身 心 本 凝 寂
Giác liễu thân tâm bản ngưng tịch,
神 通 變 化 現 諸 相
Thần thông biến hóa hiện chư tướng,
有 爲 無 爲 從 此 出
Hữu vi vô vi tòng thử xuất,
河 沙 世 界 不 可 量
Hà sa thế giới bất khả lượng,
雖 然 徧 滿 虛 空 界
Tuy nhiên biền mãn hư không giới,
一 一 觀 來 沒 形 狀
Nhất nhất quan lai mất hình trạng.
千 古 萬 古 難 此 況
Thiên cổ vạn cổ nan thử huống,
界 界 處 處 常 朗 朗
Giới giới xứ xứ thường lạng lạng.

Dẫn chú

Thị tịch : Tiếng của nhà chùa, chỉ về lờn trời - trăng trong khi lâm-chung, cũng như ta nói tuyệt bút.

Hàng sa thế giới : Thế giới nhiều như hạt cát trên sông. Trong kinh Kim - cương có câu :

諸 恆 河 所 有 沙 數 寧 爲 多 不 ?
(chư Hằng - hà sở hữu sa số ninh vi đa phữu ?) : các số

hột cát của sông Hằng đã có há là nhiều chẳng). Những chữ Hà-sa Hằng-hà sa-số, đều gốc ở đó mà ra.

Giải nghĩa

Bài này ý nói Thân tâm của người đã giác ngộ về đạo Phật. chỉ là một nơi kết-dụng của sự tịch diệt. Sự tịch diệt ấy vì phép thần-thông biến hóa có thể hiện đủ mọi tướng. Có là gì, hay không làm gì, đều ở trong đó mà ra. Và khi mình đã giác ngộ, thì dầu thế giới đầy chật không-gian, nhiều như hột cát trong sông, không thể lường tính, nhưng tự mình coi ra đều là không có hình trạng gì cả. Từ muôn nghìn đời đến giờ, rất khó có ai tới được bậc đó. Nếu đã tới được bậc đó, thì bất kỳ đến đâu đều thấy là nơi sáng sủa tất cả.

Phiên dịch

THỊ TỊCH

Thân tâm tĩnh-thức vẫn lặng im,
 Thần-thông biến hóa đủ mọi tướng.
 Có làm, không làm, gốc tự đây,
 Cõi đời «hột cát» khôn dò lường.
 Tuy rằng đầy-chật bầy hư không,
 Xem ra hết thấy không hình trạng.
 Muôn đời chưa dễ đến cảnh này,
 Chốn chốn nơi nơi đều chói sáng.

V. — NHÂN-TÔN

Ngài tên là Kiên-Đức, con trai Thánh-tôn, cháu nội Thái-tôn, lên ngôi từ năm 7 tuổi. Nhờ có mấy tay phụ tướng hết lòng rèn tập, giúp đỡ, nên khi lớn lên, ngài liền trở nên một vị anh quân thứ nhất nhà Lý, có nhiều công nghiệp lớn lao. Về mặt võ bị, ngài cố chinh đốn quán ngũ, cho thành đội binh hùng cường, rồi ngài sai Lý thường Kiệt lấy cớ hỏi tội Vương-an-Thạch về tiền « thanh miếu » đem quân sang đánh nhà Tống, hạ được ba châu Khâm, Liêm và Ung. Về mặt Nho-học, thì ngài dựng lên Văn miếu đề thờ Chu công, Khổng-tử đặt ra phép thi tam trường cho học trò trong nước đến thi, lập nên nhà Quốc-tử giám, kén các quan văn vào dạy và bắt thái-tử đến học. Rồi ngài lại mở ra tòa Hàn-lâm và đặt khoa thi, chọn lấy những người văn học để bổ vào đó làm việc.

Theo như trong sử đã chép, thì Nho-giáo ở nước ta đến đời ngài đã phát đạt lắm.

Tính ngài rất thích văn chương, ưa ngâm vịnh có làm ra nhiều bài thơ, nhưng mà phần nhiều đã bị tiêu lạc. Bài chiếu « lâm chung » chính là do ngài nghĩ ra. Theo sách « Vũ-trung tùy bút », thì ngài còn thảo bài bịch kể các tội trạng của Vương-an-Thạch, đưa sang cho vua Tống nữa. Tiếc rằng bài ấy tìm kiếm chưa thấy.

Ngài ở ngôi vua 55 năm, thọ được 62 tuổi. Tác phẩm của ngài may còn mấy bài dưới đây.

進 督 萬 行 禪 師
TRUY TÁN VẠN - HẠNH THIỀN - SƯ

萬 行 融 三 際
 Vạn hạnh dung tam tế,
 應 符 古 講 詩
 Ứng phù cổ xãm thi.
 鄉 闕 名 古 法
 Hương quan danh Cổ pháp
 挂 錫 鎮 王 畿
 Trụ tích trấn vương-kỳ.

Dẫn chú

Vạn-hạnh thiền-sư : *cot lược.sử ở trên.*

Tam tế : *Ba cõi, tức là trời, đất và người.*

Cổ pháp : *Tức là làng Đình-bảng thuộc phủ Từ-sơn tỉnh Bắc-ninh, quê của Vạn-hạnh thiền-sư. Làng ấy, thuở xưa vẫn gọi là làng Diên-uân, Khoảng đời Bắc -thuộc, có người thiền-sư tên là Định -không vì đào đất đắp nền chùa bất được mười chín chiếc khánh cồ, mới dời làm làng Cồ-pháp.*

Giải nghĩa

Bài này ý nói Vạn-hạnh thiền-sư là bậc sức học xa rộng, hiểu thấu sự huyền bí của ba cõi trời đất và người. Những lời « người » nói câu cũng đúng giống như thơ xãm đời xưa. Cái làng « người » ở lại tên là làng Cồ-pháp, thật

xứng đáng với pháp thuật của « người », Khi « người », dựng gậy tam-xích ở chốn kinh kỳ, đã làm kinh đô nhà vua được thêm vững vàng.

Phiên dịch

TRUY TÁN VẠN - HẠNH THIỀN - SƯ

Học rộng lâu ba cõi
Lời in tiếng xám xưa.
Quê làng tên Cỗ-pháp,
Dựng gậy vững kinh vua.

贈 覺 海 禪 師 通 玄 道 人

**TẶNG GIÁC HẢI THIỀN-SƯ
THÔNG-HUYỀN ĐẠO-NHÂN**

覺 海 心 如 海
Giác hải tâm như hải
通 玄 道 又 玄
Thông huyền đạo hựu huyền,
神 通 兼 變 化
Thần thông kiêm biến hóa,
一 佛 一 神 仙
Nhất phật nhất thần tiên.

Dẫn Chú

Giác-Hải thiền-sư : *Coi lược-sử ở dưới đây.*

Thông - huyền đạo - nhân : *Một người đạo-sỹ trong đời Nhân-tôn, đã nhiều lần bị vua Nhân-tôn vời vào hỏi chuyện.*

Giải Nghĩa

Bài này ý nói Giác - hải là nhà tu-hành lòng rộng như bể. Thông - huyền là nhà đạo sỹ pháp - thuật rất màu. *Coi sự thần thông biến hóa của hai người, người có thể nói rằng một người là phật, một người là tiên.*

Phiên Dịch

**TẶNG THIỀN-SƯ GIÁC-HẢI VÀ
ĐẠO - NHÂN THÔNG - HUYỀN**

Giác-hải lòng như biển,
Thông huyền phép rất màu,
Thần-thông và biến hóa,
Tiên Phật khác chi đâu?

VI. — VIÊN-CHIẾU THIỀN-SƯ

(Khoảng cuối thế-kỷ XI)

Ông họ Mai tên tục là Trục, người làng Long-đờm, con người anh bà Linh - cảm thái - hậu (vợ vua Thái-tôn). Thuở nhỏ ông rất ham học, nghe nói trong quận có người trưởng-lão ở chùa Mật-nghiêm giỏi nghề coi tướng, liền đến hỏi xem tướng mình ra sao. Người trưởng-lão bảo ông rất có duyên với Phật - pháp, nếu xuất gia có thể trở nên một người trong bậc thiện-bồ-tát, bằng không, chưa biết sống lâu hay chết non.

Cảm lời nói ấy, ông liền từ giã cha mẹ, vào chùa Tiêu-sơn, nghiên cứu thiền-học. Về sau, ông tự cất một ngôi chùa ở thành Thăng-long, đặt tên là chùa Cát-tường và tự vào ở chùa đó,

Bấy giờ sức học của ông rất tiến, và lại có tài về sự biện-luận. Trong khi ứng đối với các nhà sư ông có nhiều câu cực kỳ bóng bẩy, như là :

角 響 隨 風 穿 竹 到
 Giốc hưởng tùy phong xuyên trúc đáo
 山 岩 帶 月 過 橋 來
 Sơn nhâm đới nguyệt quá tường lai
 Và :

雨 滴 巖 花 神 女 淚
 Vũ trích nhâm hoa Thần nữ lệ
 風 敲 庭 竹 伯 牙 琴
 Phong sao đình trúc Bá - nha cầm.

Nếu dịch ra quốc văn thì là :

Theo gió tiếng còi luồn bụi trúc,
 Kèm trăng, bóng núi quá đầu tường.

Và :

Hoa núi mưa sa, Thần nữ khóc,
 Tre sân gió thổi, Bá-nha đàn.

Ông có soạn ra mười hai bài văn cầu-nguyện
 Được-sur, vua Nhân-tôn nhân khi sai sứ sang Tàu,
 có đệ bản giáp đưa vua Triết - tôn nhà Tống. Các
 pháp-sur ở chùa Tương - quốc bên Tàu, coi những
 bài ấy đều phải sợ phục, không thay đổi được một
 chữ nào.

Ông mất nhằm năm quảng-hựu thứ sáu, thọ 92
 tuổi. Nghe nói cuốn Tán Viên-giác thập-nhi bồ-lát
 và cuốn Tham-đồ hiền-quyết của ông soạn ra vẫn
 còn lưu hành.

無 疾 示 衆
VÔ TẬT THỊ CHÚNG

身 如 牆 壁 圯 頽 時
Thân như tường bích di đời thì,
衆 世 奴 奴 孰 不 悲 ?
Cử thế thông thông thực bất bi ?
若 達 心 空 無 相 色
Nhược đạt tâm không vô tướng sắc,
色 空 隱 現 任 推 移
Sắc không ẩn hiện nhiệm suy - di.

Giải nghĩa

Trước khi đọc mấy câu này, tác giả có nói : Trong thân người đời, đốt xương gân mạch, các khúc đùi vế, đều do chấp nối mà thành ra. Sự chấp nối đó vốn là vô thường, cũng như nóc nhà đến lúc đổ vỡ, rui-mè đều phải rơi hết ». Bài này, pho-diễn ý đó, đại-khái nói rằng : Thân thể người đời cũng như tường vách siêu đồ, sẽ phải tang-tành. Thấy đời lao - đao, lật - đật, ai không thương xót ? Nhưng nếu tu được đến bậc cõi lòng hư-không, không có cái tướng màu-vẻ, thì không với sắc, ẩn hay hiện, có thể tự mình xoay - xỏa, sống chết có lo gì ?

Phiên Dịch

KHI KHÔNG CÓ TẬT BẢO VỚI MỌI NGƯỜI

Thân như tường vách đã lung-lay,
Lật-đật người đời những xót thay,
Nếu được « lòng-không » không tướng sắc
Sắc không ẩn hiện mặc vờn soay.

VII. — MÃN-GIÁC THIỀN-SƯ

(Khoảng cuối thế kỷ XI)

Ông người thôn Lũng-chiền, làng An-cách, họ Nguyễn, tên tục là Trường, con viên Trung-thư viên-ngoại-lang Nguyễn Hoài-Tổ. Khi vua Nhân-tôn còn làm thái-tử, có kén con các danh-gia vào hầu, ông vì nghe rộng, nhờ nhiều, học thông đạo Nho, đạo Thích, cho nên mới được dự tuyển. Đến lúc Nhân-tôn lên ngôi, vì vốn yêu chuộng từ lâu, bèn cho ông tên là Hoài-Tín. Trong năm Anh-vũ chiêu-thắng, ông mới tâu xin xuất gia. Sau khi được tâm-ấn của Quảng-trí thiền-sư, ông liền đi chơi các nơi, đề tìm hạn đạo. Hễ ông tới đâu, học trò tụ họp rất đông ở đấy. Bấy giờ nhà vua và bà Cảm-linh-nhân hoàng-thái-hậu đương lưu tâm về việc thiền học, liền dựng ngôi chùa ở cạnh cung Cảnh-hưng mời ông về ở, cho tện sự hỏi han. Sau đó, ông được phong làm Nhập-nội-đạo-trưởng, nhà vua quỳn cho năm chục hộ.

Ông mất nhằm năm Hội-phong thứ năm, Nhân-tôn tặng lễ rất hậu, và cho tên thụy gọi là Mãn-giác.

告 疾 示 衆
CÁO TẬT THỊ CHÚNG

春 去 百 花 落，
Xuân khứ bách hoa lạc，
春 到 百 花 開。
Xuân đáo bách hoa khai.
事 逐 眼 前 過，
Sự chực nhơn tiền quá，
老 從 頭 上 來。
Lão tòng đầu thượng lai.
莫 謂 春 殘 花 落 盡
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận，
庭 前 昨 夜 一 枝 梅
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Giải Nghĩa

Bài này ý nói : Cảnh vật trong vũ-trụ, phần nhiều là những huyễn tượng, không có gì vĩnh-viễn. Giống như hoa với mùa xuân : mùa xuân hết trăm hoa đều héo rụng, mùa xuân đến, trăm hoa lại đua nở. Đời người cũng vậy. Những lúc tuổi trẻ, công việc hàng ngày hàng phút đi qua trước mắt, mình không để ý, cái già nó đã tiến đến ở trên đầu mình lúc nào. Tuy vậy, cũng đừng tưởng rằng : hễ khi xuân tàn, có bao nhiêu hoa

đều phải rụng cả. Giữa lúc tiết trời giá-rét, cây cối trơ-trụi, mà đêm hôm qua, ở trước sân, một cành mai đã đương nở hoa kia kia. Những người tu-hành đắc-đạo được nên chính-giác, có thể vượt ra ngoài cuộc sinh hóa của trời đất, cũng giống như cành mai ấy.

Phiên Dịch

CÓ BỆNH, BẢO VỚI MỌI NGƯỜI

Xuân trôi, trăm qua rụng,
Xuân tới, trăm hoa cười,
Trước mắt, việc đi mãi,
Trên đầu, già đến rồi!
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước, một cành mai.



VIII— NGỘ - ẨN THIỀN - SƯ

(Khoảng giữa thế-kỷ XI)

Ông họ Đàm, tên tục là Khí, người thôn Tư-lý, làng Kim-Bài.

Bà mẹ họ Cồ, khi chưa lấy chồng bà ấy vẫn ở gần một khu rừng liền với làng đó.

Một hôm, bà đó đang ở trong nhà dệt vải, bị một con khỉ nhảy vào hăm - hiếp, rồi thấy có mang; Sau đó được người con trai, bà ta ghét lắm, liền đem bỏ vào trong rừng. Trong làng, có một nhà sư họ Đờm, người Chiêm-thành, bèn đem về nuôi, đặt tên cho là Khí.

Thừa 15 tuổi, người sư Chiêm-thành vẫn cho ông theo về nghiệp Nho, học - vấn mỗi ngày mỗi tiến.

Năm 19 tuổi ông mới xuất gia. Sau khi được tâm-ấn của Quảng - trí thiền - sư, ông bèn vào núi Ninh-sơn, làm lấy một nếp chùa tranh mà ở và tự đặt hiệu là sư Ngộ-ẩn.

Mất năm Quảng-hựu thứ-tư, thọ được 69 tuổi.

示 寂

THỊ TỊCH

妙 性 虛 無 不 可 攀 ,

Diệu tính hư vô bất khả phan,

虛 無 心 悟 得 何 難

Hư vô tâm ngộ đắc hà nan,

玉 焚 山 上 色 常 潤

Ngọc phàn sơn thượng sắc thường nhuận,

蓮 發 爐 中 濕 未 乾

Liên phát lô trung thấp vị can .

Dẫn Chú

Hư vô : *Trống-rỗng, không có gì. Sách Hoài-Nam-tử nói rằng : « Trống-rỗng không có gì tức là chỗ « đạo » vẫn ở... Gọi là chân-nhân, ấy là những người lĩnh hợp với đạo, cho nên, dù có mà vẫn giống như không có gì, dù đầy-đặc mà vẫn giống như trống-rỗng ». Câu này mượn chữ đó để chỉ về lẽ mâu-nhiệm của đạo Phật.*

Giải Nghĩa

Bài này ý nói : Cái tính hư-vô của nhà Phật là tính rất cao, không thể vin-vit cho tới. Nhưng nếu người nào trong bụng đã hiểu được lẽ hư-vô, thì tu cho được có tính ấy cũng không khó gì.

Khi đã có được tình ấy, thì những hoàn-cảnh khe
khắt không thể ảnh - hưởng đến mình, cũng như
hòn ngọc bị thiêu trên núi, sắc nó vẫn nhuận, hoa
sen nở trong lò lửa, mà không bị khô.

Phiên Dịch

THỊ TỊCH

Hư-vô tính ấy khó vin noi,
Riêng bụng hư-vô hiểu được thôi.
Trên núi ngọc thiêu, màu vẫn nhuận,
Trong lò sen nở, sắc thường tươi.

IX. — CHÂN-KHÔNG THIỀN-SƯ

(Khoảng cuối thế - kỷ XI)

Ông người làng Phù-đồng huyện Tiên - du, họ Vương tên tục là Hải - thiền, vốn là con nhà sang trọng. Thuở nhỏ, chỉ thích cần khổ đọc sách, không muốn mó tay vào những việc vặt. Khi mười lăm tuổi, học thông các sử-sách. Ngoài hai mươi tuổi mới đi chơi các chùa-chiền để kiếm bè bạn.

Sau khi được tâm-ấn của thiền-sư ở núi Đông-cứu, ông liền vào tu ở Từ-sơn. Hơn hai chục năm không hề xuống núi, danh tiếng lừng lẫy xa gần. Vua Nhân-tôn đã mời ông vào đại-nội giảng kinh Pháp-hoa, kẻ nghe giảng ai cũng kinh phục.

Mất năm Hội-phong thứ chín.

將 逝 寂
TƯƠNG THỆ TỊCH

妙 本 虛 無 日 日 誇
Diệu bản hư vô nhật nhật khoa,
和 風 吹 起 遍 婆 娑
Hòa phong xuy khởi biến bà bà.
人 人 盡 識 無 爲 樂
Nhân nhân tận thức vô vi lạc,
若 得 無 爲 始 是 家
Nhược đắc vô vi thủy thị gia.

Dẫn Chú

Vô ni : Không cần làm gì. Chữ này gốc gác ở sách Luận-ngũ, đây dùng để chỉ về sự tịch-diệt của đạo Phật.

Giải Nghĩa

Bài này ý nói : Hư vô vốn là một lẽ muôn-nhiệm, hàng ngày người ta vẫn thường tán-dương. Vội thế gian, lẽ ấy cũng như ngọn gió êm-hòa, nó thổi đến đâu, mát mẻ đến đấy. Cùng cực lẽ đó, tức là cõi « im lặng không làm gì ». Người đời, ai ai cũng biết « im lặng không làm gì » là cõi rất vui. Khi nào tôi được cõi « im lặng không làm gì » mới là nhà mình. Còn chỗ mình đương sống ở bây giờ chỉ là một nơi ở trọ.

Phiên dịch
SẮP TỚI CỎI IM LẶNG

Hư vô lẽ ấy rất sâu xa,
Thổi dịu nơi nơi, ngọn gió hòa,
Cảnh cõi « không làm » ai cũng mến,
Được lên chốn ấy mới là nhà.

o o o

ĐOÀN - VĂN - KHÂM

(Khoảng cuối thế - kỷ XI)

Ông người đời Nhân - tôn, làm quan đến chức
Công-bộ thượng-thư, chưa rõ quê quán ở đâu, lý-
lịch ra sao.

贈 廣 智 禪 師

TẶNG QUẢNG-TRÍ THIỀN-SƯ

拄 錫 危 峯 擺 六 塵

Trụ tích nguy phong bãi lục trần,

默 屠 幻 夢 問 浮 雲

Mặc cư huyền mộng vấn phù vân,

殷 勤 無 計 參 澄 什

Ân cần vô kế tham Trường, Thập,

索 絆 曾 纒 在 鶯 羣

Sách bận chàm anh tại lộ quần.

Dẫn chú

Quảng-trí thiền-sư : Một vị thiền-sư trong đời Nhân-tôn, họ Nhan, anh ruột bà Chương-phụng hoàng-phí, quê ở Thăng-long, tu tại chùa Quán-đỉnh trên núi Không lộ (?), đạo hạnh rất cao, các quan trong triều đều phải kính phục.

Lục trần : Tiếng của nhà Phật, chỉ về sáu thứ tục-niệm, cũng gọi là lục tặc (sáu giặc), tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, cảm xúc và pháp thuật.

Phù vân : Mây nổi, chỉ về các đám mây bay trên trời, không phải dùng điển câu “ư ngã như phù vân” của Không-tử đã nói ở sách Luận-ngũ.

Trùng Thập : Hai tên người, tức là Phật-đồ trùng, Cư-mô la-thập. Đồ-trùng người nước Thiên-trúc, học đạo Phật từ thuở nhỏ và rất linh thông về thuật huyền bí. Trong đời nhà Tấn, sang Tàu đi theo Thạch Lặc, được tôn làm đại-hòa-thượng. La-thập người nước Quy-ty xứ Tây-vực, vào đất Trường-an nước Tàu nhằm đời Hậu Tần, liền được Diên Hưng, vua nước Hậu Tần rất tin, có cùng các sư phiên dịch vừa kinh vừa luận đến ba trăm quyển là thủy-lô của phái Tam-lô.

Lộ quần : Đàn cò, chỉ về thứ tự các quan trong triều. Sách bác vật chi của Trương-Hoa có nói : Giống cò, con nhỏ

không vượt con lớn, bay có thứ tự, đó là tượng trăm quan đội mũ, đóng đất. Chữ «lộ quần» này dùng theo điển ấy.

Phiên dịch

Bài này có ý tán dương Quảng - trí thiền - sư, đại-khai nói rằng : Quảng - trí thiền - sư chống gậy tầm-xích tu-hành ở trên núi cao, im lặng ở trong cuộc đời là cuộc huyền mộng mà hỏi chuyện với những đám mây lơ lững trên trời. Thật là một người chân tu đặc đạo, chẳng kém gì Phật đồ - trùng Cưu - mô la - thập. Minh vẫn ăn cần muốn theo thiền-sư, mà không có cách nào theo được. Vì đã trót vướng vào trong đám mũ đai, như bị sợi giây huộc lại, không thể dứt ra. Đáng tiếc biết chừng nào.

Phiên dịch

TẶNG QUẢNG-TRÍ THIỀN-SƯ

Chống gậy non cao rữ bụi đời,
 Nằm trong mộng -huyền ngắm mây trôi,
 Ăn cần khôn cách theo Trùng Thập,
 Trót vướng bày cò lớp mũ đai.

挽 廣 智 禪 師
VĂN - QUẢNG - TRÍ THIỀN - SƯ

林 巖 白 首 遁 京 城
Lâm Loan Bạch Thủ Độn Kinh Thành
拂 袖 高 山 遠 更 馨
Phật tay cao sơn viễn cánh hình,
幾 願 淨 巾 趨 丈 庫
Kỷ nguyện tinh cân xu tượng tịch,
忽 聞 遺 履 掩 禪 局
Hốt văn di lý yếm thiền quynh.
齋 庭 幽 鳥 空 啼 月
Trai đình u diều không đề nguyệt,
墓 塔 誰 人 爲 作 銘
Mộ tháp thùy nhân vị tác minh?
道 侶 不 須 傷 永 別
Đạo lữ bất tu thương vĩnh biệt,
院 前 山 水 是 真 形
Viện tiền sơn thủy thị chân hình.

Giải nghĩa

Bài này ý nói Quảng-trí thiền-sư trốn xứ đô-thị phồn-hoa, vào ở rừng núi từ thừa trẻ đến khi bạc đầu. Vì rằng đạo-hạnh rất cao, cho nên dù đã rũ áo lên ở trên núi cao, mà càng xa càng thấy tiếng thơm. Minh đương mong được đội một chiếc thanh-tĩnh của nhà chùa, làm người học trò lui tới bên chiếu, bỗng dẫu thiền-sư đã vội qua đời,

chiếc dép văn du của người còn bỏ lại đó mà cửa chùa thì khép lại rồi. Bây giờ ở sân nhà trai, chỉ còn tiếng chim vắng vẻ kêu dưới bóng trăng. Cái tháp ở bên mộ người, cũng không có ai để cho bài minh đáng cảm khái biết đường nào ! Nhưng mà thôi, các bạn tu hành cũng đừng nên thương xót về cuộc vĩnh biệt ấy, người tuy mất rồi, nhưng tinh thần của người còn gửi ở sông núi, nước non trước chùa tức là chân hình của người đó.

Phiên dịch

VIẾNG QUẢNG-TRÍ THIỀN-SU

Lính chợ, vào rừng, tóc bạc phơ,
Non cao rữ áo ngát hương thừa,
Chùm khăn những muốn hầu bên chiếu,
Treo giếp đà nghe phép của chùa,
Trăng dọi sân trai chim khắc-khoài,
Tháp không bia chữ, mộ thờ ơ,
Bạn thiền thôi cũng đừng thương xót !
Non nước ngoài am đó đáng xưa.

追悼真空禪師
TRUY ĐIỀU CHÂN KHÔNG THIỀN SƯ

行 高 朝 野 振 清 風
 Hạnh cao triều dã chấn thanh phong,
 錫 柱 如 雲 慕 習 龍
 Tích trụ như vân mộ tập long.
 仁 宇 忽 驚 崩 惠 棟
 Nhân vũ hốt kinh băng huệ đống,
 道 林 長 嘆 偃 貞 松
 Đạo lâm trường thán yển trinh tông.
 清 瑩 碧 草 添 新 塔
 Phần oanh bích thảo thiêm tân tháp,
 水 蘸 青 山 認 舊 容
 Thủy chấm thanh sơn nhận cựu dung.
 寂 寂 禪 關 誰 更 叩 ?
 Tịch tịch thiền quan thùy cánh khấu ?
 經 過 愁 聽 暮 天 鐘 ?
 Kinh qua sầu thính mộ thiên chung.

Giải nghĩa

Bài này khen Chân-không thiền-sư là bậc đạo hạnh cao - siêu, thời cao nét cả của người khiến cho trên triều - đình và dưới thôn - quê đều phải nô-nức kinh mến. Học trò đến học rất đông, họ theo quanh gậy tầm-sách của người giống như mây đi theo rồng. Bây giờ người mất, cửa Phật như bị gãy chiếc cột cái, rừng thiền - sư bị đổ trời thông

già. Kia đám cỏ xanh rối-rít quanh cây tháp mới đó là phần-mộ của người. Kia ngọn núi biếc ánh xuống dưới làn nước trong, đó là hình dung của người. Phần mộ ở đấy, hình dung còn đấy, nhưng ngôi chùa của người trụ-trì ngày xưa, nay đã thành nơi quanh-quẽ im lặng, không ai gõ cửa. Mỗi khi đi qua, nghe tiếng chuông chiều rền-rĩ, càng như kêu gọi mối sầu.

Phiên dịch

TRUY ĐIỆU CHÂN-KHÔNG THIỀN-SƯ

Trào, quê nô-nức, thói cao bay,
 Gậy chống như rồng quấn bóng mây.
 Phút chốc cửa từ cây cột đổ,
 Bụi-ngùi rừng đạo gốc thông lay.
 Mồ quanh cỏ biếc thêm từng tháp,
 Nước chiều non xanh nhận nét mây.
 Quanh quệ âm mây, ai gõ cửa ?
 Chuông chiều xa lắng dạ khôn khuây.

XI – KHÔNG - LỘ THIỀN - SƯ

(Khoảng cuối thế - kỷ XI)

Ông họ Dương, người ở Hải - thanh, nhà vốn làm nghề đánh chài, đến đời ông mới bỏ nghề ấy đi theo đạo Phật. Khoảng năm Chương-thánh gia-khánh, ông vào tu ở chùa Hà - trạch, thường hay đi lại với Giác - hải thiền - sư và nhiều đạo - hữu khác,

Vì lòng say đạo, ông ngoài thì tuyệt hẳn việc đời ,trong thì hết sức tu luyện phép Phật, trải bao năm ăn cây, mặc cỏ, quên cả thân mình.

Sách của nhà chùa có nói rằng : Sau khi đắc đạo, ông có thể bay ở trên không, đi ở mặt nước, có thể làm cho cọp phải cúi-núp, rồng phải hàng phục, những sự kỳ-quái không ai lường được.

Ông mất năm năm Hội-tương đại-khánh thứ mười, nhà vua có sai sửa rộng ngôi chùa ông ở và quyền cho hai chục hộ đệ cung-dốn về việc hương đèn.

言懷
NGÔN HOÀI

擇得龍蛇地可居
Trạch đắc long xà địa khả cư,
野情終日樂無餘
Dã tình chung nhật lạc vô dư,
有時直上孤峯頂
Hữu thì trực thượng cô phong đỉnh,
長嘯一聲寒太虛
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.

Đến chú

Long xà : Rồng rắn. Chưa rõ điển tích ở đâu. Có người nói là kieu đất chỗ tác giả ở, có người cho rằng hai chữ "long xà" chỉ về những nơi thấp-chúng lụt-lụt. Chưa biết thuyết nào là đúng.

Thái hư : Chỗ rất trống rỗng tức là bầu trời.

Giải nghĩa

Bài này tác-giả tự tả khí-tượng ung-dung của mình, ý nói : Cái đất hang rồng, tổ rắn, đối với mình là chỗ rất hợp, có thể ở được. Chọn được chỗ ấy mà ở, mỗi tình thôn quê khiến mình vui vẻ suốt ngày. Những lúc vô sự, có khi lên thẳng đỉnh núi, chum môi thổi một hồi sáo. Núi cao, cảnh vắng, tiếng sáo như làm lạnh cả bầu trời. Phóng khoáng biết chừng nào !

Phiên dịch

Lựa nơi rồng rắn đất ưa người,
Cả buổi tình quê những mải vui.
Có lúc thẳng lên đầu núi thổi,
Một hơi sáo miêng, lạnh bầu trời.

XII — ĐẠO - HẠNH THIỀN - SƯ

Ông họ Từ, tên tục là Lộ, con viên Tăng-quan đồ-án Từ-Vinh.

Thuở còn trẻ tuổi, Từ - Vinh trọ học ở làng Yên-Lãng (tục gọi làng Láng), có lấy một người con gái họ Tăng, bèn theo quê-quán tại đó.

Đạo-hạnh tức là con của Tăng - thị đẻ ra, hồi còn ít tuổi, tính rất hào-hiệp và lại khẳng-khái có chí lớn. Thường thường làm bạn với một người Nho-giả tên là Phí - sinh, một người đạo sỹ tên là Lê-Hoàn và một người phường trò tên là Vi - Ất, Bấy giờ Đạo-Hạnh đem thi kỳ cục xem sách, ngày lại thổi sáo, đá cầu, đánh cờ. Từ-Vinh thường vắn quở mắng về tội biếng nhác.

Một hôm, tinh cò nhòm vào chỗ nằm của con, thấy ngọn đèn đã tàn, sách vở chất đầy bên cạnh, Đạo-hạnh đương gục trước bàn án mà ngủ, trong tay cầm quyển sách, tàn đèn rơi rụng đầy cả mặt án, Từ-Vinh biết là con rất chăm học, mới không lo nữa.

Cách đó ít lâu, nhà vua có mở kỳ thi tăng-quan, Đạo-hạnh trúng tuyển, đã được bổ một chức gì đó.

Sau đó, Từ-Vinh vì sự trái ý với Diên-thành-hầu, bị hầu mượn pháp-sư Đại-Điên đánh chết. Đạo-hạnh muốn trả thù cho cha, đã định sang tận Ấn-độ học thuật linh-dị để giết Đại-Điên. Nhưng khi đi tới xứ mọi Răng vàng (?) vì thấy đường xá hiểm-trở, lại phải trở lại. Rồi vào ẩn ở hang Từ-sơn chuyên tâm tu đạo và luyện pháp thuật. Sau khi giết được Đại-Điên. Đạo-hạnh ở luôn trong chùa Thiên-phúc. Cuối đời Hội-tướng đại khánh thì mất. Sử chép lúc ấy Đạo-hạnh hóa kiếp để giảng sinh làm con Sùng-hiền-hầu, các sách còn nói nhiều chuyện hoang đường hơn nữa, nhưng đây lược đi.

答 喬 智 玄 問 真 心
ĐÁP KIỀU-TRÍ HUYỀN VẤN CHÂN TÂM

玉 裏 祕 聲 演 妙 音
 Ngọc lý bí thanh diễn diệu âm,
 箇 中 滿 目 露 禪 心
 Cá trung mãn mục lộ thiền tâm,
 河 沙 境 是 菩 提 境
 Hà sa cảnh thị Bồ - đề cảnh,
 擬 向 菩 提 隔 萬 尋
 Nghi hướng Bồ - đề cách vạn tầm.

Dẫn chú

Hà sa : Đã chưa ở trên.

Bồ đề : Tiếng của nhà Phật, cũng như chính giác, nghĩa là thấu rõ chân đế, tới cõi giác ngộ.

Giải nghĩa

Bài này ý nói : Trong cái thân thể bằng ngọc của Phật vẫn có những tiếng huyền bí diễn ra những âm màu nhiệm ; ở đó, lòng thiền lộ ra rất rõ ràng. khắp những thế giới nhiều như hạt cát bên sông, chỗ nào cũng là cõi chính giác, Tuy vậy muốn đi tới cõi chính giác, cũng phải cách hàng muôn tầm.

Phiên dịch

ĐÁP KIỀU TRÍ HUYỀN HỎI VỀ CHÂN TÂM

Mình ngọc vang đưa tiếng ảo-huyền,
 Ở trong vãn lộ tấm lòng thiền,
 Cát sông đành cõi Bồ-đề đó,
 Muốn tới, còn xa mấy dặm nghìn.

示 寂

THỊ TỊCH

秋 來 不 報 雁 來 歸
 Thu lai bất báo nhạn lai qui,
 冷 笑 人 間 暫 發 悲
 Lạnh tiêu nhân gian tạm phát bi,
 爲 報 門 人 休 懸 著
 Vì báo môn nhân hưu huyền chước,
 古 師 幾 度 作 今 師
 Cổ sư kỷ độ tác kim sư.

Giải nghĩa

Lúc sư Đạo-Hạnh sắp mất, đồ-đệ nhiều người khóc lóc thương tiếc, ông có bảo với họ rằng : Ta vẫn chưa biết túc-duyên, còn phải sinh xuống thế-gian. Nay hãy tạm biệt để hóa làm kiếp quốc-vương, và khi hết thọ, còn phải làm vì thiên-tử ở thế-giới thứ ba mươi ba. Bao giờ chân thân tán-diệt, thì ta mới thật vào cõi nất - bàn, không ở trong vòng sinh-diệt. Bài này thuật theo ý đó, đại khái nói rằng : Người đời sống thác cũng như thi tiết thay đổi, mùa hè hết thì mùa thu về. Cái lúc mùa thu sắp tới, không bao giờ báo tin cho những

con nhận cùng theo. Ta nay cũng vậy, không thể đem được các người cùng đi. Nhưng ta qua đời chỉ là chuyện đổi kiếp này sang kiếp khác, không có gì đáng thương xót. Ai thương xót ta người ấy thật không hiểu lẽ, khiến ta không khỏi cười thầm. Vậy ta khuyên các môn đồ, không nên quyến - luyến làm chi. Từ xưa đến nay, ta đã hóa kiếp nhiều lần rồi. Sự đổi kiếp của ta, chỉ là một sự rất thường.

Phiên dịch

Thu về chẳng báo nhận theo bay,
Cười nhạt người đời uổng xót vay,
Thôi hời môn đồ đừng quyến luyến,
Thày xưa mấy lượt hóa thày nay.

XIII.— GIÁC HẢI THIỀN-SƯ

(Khoảng cuối thế-kỷ XI)

Ông họ Nguyễn, người ở Hải-thanh, thuở nhỏ rất thích những nghề câu cá, đánh chài. Thường thường dùng chiếc thuyền nhỏ làm nhà, lênh đênh chơi khắp sông biển. Năm 25 tuổi, mới bỏ nghề đó đi tu. Lúc đầu ông cùng sư Không lộ cùng ở chùa Hà-trạch, về sau chính ông lại nối tôn-phái sư ấy.

Đời vua Nhân-tôn, ông và Thông-huyền đạo-nhân có lần đã cùng bị vờ vào hầu. Ngài có làm thơ khen ngợi cả hai và vẫn coi ông là bậc thầy. Mỗi khi ra chơi Hải-thanh, ngài đều vào chùa ông trước.

Sang đời Thần-tôn, ông cũng luôn luôn bị đời vào triều, nhưng đều chối là già yếu không thể tới được.

Khi mất, nhà vua quỳn hai chục hộ đồ cung hương hỏa và phong cho hai người con trai làm quan.

示 疾
THỊ TẬT

春 來 花 蝶 善 知 時
Xuân lai hoa điệp thiện tri thì,
花 蝶 應 須 共 應 期
Hoa điệp ưng tu cộng ứng kỳ,
花 蝶 本 來 皆 是 幻
Hoa điệp bản lai giai thị huyền,
莫 須 花 蝶 向 心 持
Mạc tu hoa điệp hướng tâm trì.

Giải nghĩa

Bài này có ý mượn cảnh bướm hoa để nói về sự sống thác. Sự sống thác với vũ trụ cũng như hoa bướm với mùa xuân. Khi mà mùa xuân đã tới, ấy là hoa sẽ đua nở, bướm sẽ bay ra. Hoa nở hay tàn, bướm đi hay ở, bao giờ cũng đúng kỳ. Nhưng hoa với bướm chẳng qua là cảnh huyền giả, chớ nên để bụng làm chi. Sự sống thác của đời người cũng vậy: còn nghiệp duyên thì sống, hết nghiệp duyên thì thác, thác hay sống đều không phải là thực tượng của vũ trụ, không nên cho là chuyện quan hệ.

Phiên dịch

THỊ - TẬT

Xuân sang hoa bướm khéo quen thì,
Bướm liệng, hoa cười vẫn đúng kỳ,
Nên biết bướm hoa đều huyền ảo,
Thấy hoa, mặc bướm, để lòng chi ?

XIV— VIÊN-HỌC THIỀN-SƯ

(Khoảng đầu thế-kỷ XII)

Ông họ Hoàng người làng Như nguyệt, ở chùa Đại-an huyện Tế-giang (nay là huyện Văn-giang, thuộc tỉnh Bắc-ninh). Thuở nhỏ, chuyên học sách ngoại, đọc khắp các thứ đồ-diễn. Vì nghe một câu của sư Chân không, trong bụng tự thấy mở rộng, từ đó ông theo về thiền học. Về sau ông rất tinh về nghi luật, giới hạnh càng ngày càng cao. Quanh năm chỉ khoác một tấm cà-sa, mùa rét cũng như mùa nực. Các bạn thiền lâm mẫn tiếng, chống gậy tầm-xích đi theo rất đông. Tùy theo sức lượng từng người, ông đều dạy bảo đến nơi đến chốn. Cho đến những việc đắp đường, bắc cầu, việc gì ông cũng lấy mình làm gương cho người. Lúc già ông có sửa lại chùa Quốc-thanh ở làng Phù-cam và đúc một quả chuông lớn. Đến năm Thiên-chương bảo tự thứ tư thì mất. Thọ 64 tuổi.

聞 鐘

VĂN CHUNG

六 識 常 昏 終 夜 苦
 Lục thức thường hôn chung dạ khổ
 無 明 被 覆 久 迷 慵
 Vô minh bị phủ cửu mê dung
 書 夜 聞 鐘 開 覺 悟
 Chú dạ văn chung khai giác ngộ
 懶 神 淨 却 得 神 通
 Lãn thần tịnh khước đắc thần thông

Dẫn chú

Lục thức : Tiếng của nhà Phật chỉ về sáu thứ cảm biết do sáu căn sinh ra, tức là những sự cảm biết của mắt, tai mũi, lưỡi, thân-thê và ý-nghĩ.

Vô minh : Không sáng, liếng của nhà Phật chỉ về sự ngu-ngây, tối tăm, không có cái biết, cái sáng chân-chính.

Giải nghĩa

Bài này ý nói : Người đời chỉ vì sáu thứ cảm-biết mờ tối, nên phải khổ não thâu đêm, lại vì bị sự ngu-ngây che lấp nên thành mê muội, biếng-nhác. Nhưng nếu đêm ngày được nghe tiếng chuông của Phật dống-dả, mở mang sự tỉnh thức cho, thì thần lười tự nhiên trút hết, rồi cũng có thể tới bậc thần-thông chứ không ngại gì.

Phiên dịch

NGHE TIẾNG CHUÔNG

Sáu căn ám-ảnh, khổ đêm dài,
 Ma tối xui ra biếng-nhác hoài,
 Hôm sớm nghe chuông hồn tỉnh thức,
 Thần thông được gặp, hết thần lười.

ooo

XV-ĐẠO-HUỆ THIỀN-SƯ

(Khoảng giữa thế-kỷ XII)

Ông người thôn Chân-hộ, làng Như-nguyệt, họ Âu, tu ở chùa Quang-minh núi Thiên-phúc trong huyện Tiên-du, tướng mạo đoan trang, tiếng nói rất trong trẻo. Năm 25 tuổi đến với Ngô Pháp-Hòa trong chùa Phổ-minh, ông thường hỏi trộm về đạo Phật và hiểu được chỗ sâu xa của đạo ấy, liền tu ngay ở chùa đó. Luôn trong sáu năm, sùen không bén đến mặt chiếu, học trò theo học tới hơn nghìn người, danh tiếng lừng lẫy chốn kinh sư. Vua Anh-tôn rất mến, mời ông vào ở trong chùa Báo-thiên. Trong khoảng mười ngày, công khanh vì lòng kính trọng mà đến thăm viếng không biết là bao nhiêu người. Ông bèn mở trường giảng diễn ở đó. Đến năm Chính-long bảo ứng thứ mười thì mất.

示 疾
THỊ TẬT

色 身 與 妙 體
Sắc thân dữ diệu thể,
不 合 不 分 離
Bất hợp bất phân ly.
若 人 要 甄 別
Nhược nhân yếu nhân biệt,
爐 中 花 一 枝
Lô trung hoa nhất chi.

Giải nghĩa

Theo trong kinh Phật thì Phật có khi hiện ra thân có màu sắc, có khi chỉ là cái thể linh diệu. Bài này giải về lẽ đó, ý nói: Cái thân có màu-vẻ và cái thể rất linh diệu đều là Phật cả. Nhưng hai thứ thân thể không hợp lại làm một cũng không thể chia ra làm hai. Nếu ai có muốn tách bạch, thì nên tưởng tượng như một cành hoa nở trong lò lửa.

Phiên dịch

BỊ BỆNH

Thân màu và thể nhiệm,
Không hợp, chẳng chia đôi
Nếu ai muốn tách-bạch,
Lò lửa bông hoa cười.

XVI— BẢO-GIÁM THIỀN-SƯ

(Khoảng giữa thế-kỷ XII)

Ông họ Kiều, tên tục là Phù, người làng Trung-thụy. Tính rất trung-tín thành-thực và rất điềm đạm giản-dị. Thuở nhỏ theo về nghiệp Nho, những bộ Thi, Thư, Dịch, Lễ, bộ nào ông cũng nghiên cứu kỹ-càng, chữ viết rất tốt. Đời vua Anh-tôn, ông làm quan đến chức Cung-hậu xá-nhân. Năm ba mươi tuổi, bỏ quan vào chùa Vân-bảo cắt tóc đi tu. Bao nhiêu kinh sách, đều do tay ông viết ra. Khi chủ chùa ấy qua đời, ông liền nối nghiệp trụ-trì ở đó. Những cách tự phụng của ông cực kỳ đạm bạc, suốt năm chỉ mặc áo gai, áo gió, trong mình không dinh đến một sợi tơ. Công việc tu hành, không bao giờ có vẻ lui nhụt, chễ nải đến năm Chính-long bảo-ứng thứ 11 thì mất.

將 圓 寂
TƯƠNG VIÊN TỊCH

第 一
ĐỆ NHẤT

得 成 正 覺 罕 憑 修
Đắc thành chính giác hãn bằng tu,
祇 爲 牢 籠 智 慧 優
Chỉ vì lao lung trí tuệ ưu.
認 得 摩 尼 玄 妙 理
Nhận đắc mô ni huyền diệu lý,
正 如 天 上 顯 金 烏
Chính như thiên thượng hiển kim ô.
Chính như thiên thượng hiển kim ô.

第 二
ĐỆ NHỊ

智 者 猶 如 月 在 天
Trí giả do như nguyệt tại thiên,
光 含 塵 刹 照 無 偏
Quang hàm trần sát, chiếu vô thiên,
苦 人 要 識 須 分 別
Nhược nhân yếu thức, tu phân biệt.
嶺 上 扶 疎 鎖 暮 煙
Lĩnh thượng phù sơ tỏa mộ yên.
Lĩnh thượng phù sơ tỏa mộ yên.

Bị khảo

Bài thứ nhất, câu thứ hai, chữ 牢籠 (lao lung) chưa rõ nghĩa gì, có lẽ là do chữ khác lầm ra.

Dẫn chú

Mô ni : *Tiếng Phạm, chỉ về các thứ châu báu. Bớt những châu báu sáng sủa sạch sẽ, không bị dơ bụi bám vào, cho nên người ta thường dùng để ví với sự mẫu-nhiệm của đạo phật.*

Kim ô : *Ác vàng, quạ vàng. Tức là mặt trời. Sách Hoài-nam tử nói trong mặt trời có một con quạ ba chân. Người ta dùng tiếng "quạ" tiếng "ác" để nói bóng về mặt trời là gốc ở đó.*

Trí giả : *Tức là chư phật.*

Giải nghĩa

Trước khi làm mấy bài này, tác giả có bảo với học trò rằng : Lên bậc tôn-thừa là nhờ ở sự siêng năng, nhưng mà thành được chính giác thì phải nhờ ở trí-tuệ. Vì như đứng ngoài trăm thước mà bắn, tới được là nhờ sức khỏe, trúng được không phải vì sức khỏe. Hai bài này diễn theo ý đó. Bài trên nói : Thành được chính-giác không phải chỉ nhờ ở công tu hành siêng năng, còn phải trông về trí tuệ cao siêu nữa. Người nào nhờ có trí-tuệ cao siêu mà nhận được lẽ huyền diệu của đạo Phật,

thì người ấy cũng như mặt trời mọc ở trên trời, ánh sáng soi khắp vũ-tru. Bài thứ hai nói : Chư Phật giống như mặt trăng ở trên trời, ánh sáng bao hàm bụi cát, chiếu xuống trần gian, không riêng nơi nào. Nếu ai muốn hiểu đạo Phật, thì phải phân biệt cho rõ thế nào là chân-đế, thế nào là không phải chân-đế. Nhưng sự phân biệt ấy thật không dễ dàng. Cũng như những lúc trời chiều đứng ở đằng xa trông đám khói hơi mù mịt bốc ở ngọn núi, khó mà biết rõ chỗ nào là núi, chỗ nào là khói.

Phiên dịch

SẮP TỊCH

BÀI THỨ NHẤT

Thành Phật khôn riêng sức dũa-mài,
 Phải nhờ trí tuệ tốt xa vơi,
 Nhận ra đạo Phật nơi màu nhiệm,
 Chẳng khác trên không tỏ mặt trời.

BÀI THỨ HAI

Phật tựa vàng trăng ở giữa trời,
 Ánh lồng bụi cát chiếu đời nơi,
 Nếu ai muốn hiểu, nên phân biệt,
 Man-mác non chiều bóng khói hơi.

XVII— KHÁNH-HỸ THIỀN SƯ

(Khoảng giữa thế kỷ XII)

Ông người làng Cồ-giao quận Long-biên, họ Nguyễn, ăn chay từ thuở còn nhỏ. Khi lớn liền đi học sư Bản-tịch ở chùa Chúc-thánh. Vì không hiểu những lời Bản-tịch giảng bảo, ông mới bỏ chùa Chúc-thánh đến chùa Vạn tuế xin học sư Thiện-tài. Sau khi hỏi biết căn do, Sư Thiện-tài khuyên ông nên về học sư Bản-tịch. Nhờ sự tận tâm dạy bảo của sư ấy, chẳng bao lâu danh tiếng của ông đồn khắp các nơi từng lăm. Khoảng năm Thiên-chương bạo-tự, vua Anh-tôn đòi ông tới kinh. Nhân thấy ông ứng đối vừa ý, ngài mới phong làm chức Tăng-lục, rồi thăng lên chức Tăng-thống. Đến năm Đại-dịnh thứ ba thì mất, thọ 76 tuổi.

答 法 融 問 色 空 凡 聖
ĐÁP PHÁP DUNG VẤN
SẮC KHÔNG PHẠM THÁNH

勞 生 休 問 色 兼 空
 Lao sinh hưu vấn sắc kiêm không
 學 道 無 過 訪 祖 宗
 Học đạo vô qua phỏng tổ tôn.
 天 外 覓 心 難 定 體
 Thiên ngoại mịch tâm nan định thể,
 人 間 植 桂 豈 成 叢
 Nhân gian thực quế khởi thành tông ?
 乾 坤 盡 是 毛 頭 上
 Kiền khôn tận thị mao đầu thượng,
 日 月 包 含 芥 子 中
 Nhật nguyệt bao hàn giới tử trung.
 大 用 現 前，奉 在 手
 Đại dụng hiện tiền, quyền tại thủ,
 誰 知 凡 聖 與 西 東
 Thùy tri phạm thánh dữ tây đông ?

Giải nghĩa

Theo trong bản truyện, lúc ấy Pháp dung hỏi tác giả rằng : Những người hiền thấu được lẽ sắc không thì là bậc phạm hay là bậc thánh? Tác giả

không đáp chỗ đó và đọc luôn mấy câu này. Xét trong nhời văn, hai câu thứ ba thứ tư và hai câu thứ bảy thứ tám, rất không rõ nghĩa. Lấy ý mà nhận, có lẽ tác-giả muốn nói như vậy: Cái người mới bước vào đường tu-hành, còn phải khó nhọc lạt dật về đời sống, thì chưa thể nói đến lẽ sắc không là lẽ rất cao trong đạo Phật, phải nghĩ sự học đạo cái đã. Trong việc học đạo không gì cần bằng dò-hỏi tổ-tông của đạo mình học. Phải giữ cội lòng cho thật yên lặng, không nên suy xét những điều viễn-vong. Phải giữ tấm thân cho thật trong sạch, không nên gần gũi với chuyện thế-tục. Vì nếu để lòng suy xét những điều viễn vong, ấy là mình kiếm lòng mình ở ngoài bầu trời, không biết thế nào là định thể, mà kẻ tu-hành lại gần gũi với chuyện thế tục, thì không khác gì đem cây quế ở cung trăng trồng xuống cội trần, không bao giờ mà thành khóm được. Lại phải hiểu rằng : khi đã trải nhiều kiếp tu, mà lên tới cội niết bàn, thì thấy vũ trụ chỉ là bộ-phận rất nhỏ, trời đất có thể đặt lên trên đầu sợi lông, mặt trời mặt trăng có thể thu vào trong một hột cải, then máy mầu nhiệm của tạo-vật có thể nắm ở trong tay. Lúc ấy những chữ « phàm », « thánh », « đồng », « tày », đều không đủ để hình dung sự siêu việt đó. Nhưng đó cũng là giải tạm, chưa chắc có đúng hay không. Hãy ghi lại đó, để chờ tra cứu.

Phiên dịch
TRẢ LỜI PHÁP DUNG HỎI VỀ
SẮC KHÔNG PHẠM THÁNH

Nhọc đời chi nói sắc và không ?
Học học gì hơn hỏi tổ tông ?
Man-mác ngoài trời, lòng khó kiếm,
Ngảng-nghiêu đất tục, quế khôn trồng,
Kiền-khôn rút lại đầu lông sáu,
Nhật, nguyệt nằm quanh hạt cải mòng,
Việc cả hiện bày, tay vẫn nắm,
Ai hay phạm thánh với tây đông ?

XVIII — BẢN-TĨNH THIỀN-SƯ

(Khoảng cuối thế-kỷ XII)

Ông họ Kiều, người xóm Phù diễn, làng Vĩnh-khang, thuở nhỏ rất ham học, hiểu thấu lẽ sống thác của đạo Phật, và thông hết thuyết nhân nghĩa của đạo Nho. Theo học Mãn giác thiền-sư, sở-đắc nhiều lắm.

Trong năm thứ hai hiệu Đại-định, ông vào tu tại chùa Bình-dương trên núi Chí-linh, bấy giờ có quan Hữu-bật Ngụy-quốc-Bảo kính mến phong đức của ông, vẫn tôn ông làm bậc thầy. Chẳng bao lâu, ông lại nhận nhờ mời của một viên quan trong triều, bèn tới trụ trì ở chùa Kiên-an Đầu hiệu Trinh nguyên thì mất.

示 衆
THỊ CHÚNG

幻 身 本 自 空 寂 生
Huyễn thân bản tự không tịch sinh,
猶 如 鏡 形 像
Do như kính hình tượng,
覺 了 一 切 空 幻 身
Giác liễu nhất thiết không huyền thân,
須 臾 証 實 相
Tu du chứng thực tướng.

Giải nghĩa

Bài này ý nói: Cái thân người đời, vốn ở trong chỗ hư vô tịch mịch sinh ra, cũng giống như hình tượng trong gương, chỉ là cảnh giả mà thôi. Khi nào cái thân không huyền ấy giác-ngộ tất cả, thì trong phút chốc, cái tướng chân-thực sẽ hiện ra liền.

Phiên dịch

BẢO VỚI MỌI NGƯỜI

Tự nơi không tịch có thân mình,
Mường-tượng trong gương bóng với hình,
Cảnh huyền một khi đã tỉnh-thức,
Giây lâu, tướng thật hiện rành-rành.

XIX – TĨNH-GIỚI THIỀN-SƯ

(Khoảng cuối thế - kỷ XII)

Ông người làng Giang-mã, họ Chu tên tục là Hải, con nhà hàn-vi, nhưng tính hạnh rất thuần-hòa trung-hậu. Thuở nhỏ vẫn theo đạo Nho, đến năm hai mươi sáu tuổi mới quyết chí xuất-gia và xin theo học một người kỳ túc ở ngay trong làng. Khi nghe núi Lãng là nơi thanh-u vắng-vẻ có thể ở được, ông bèn chống gậy tới một ngôi chùa ở đó, tập luyện trong bảy năm. Lúc gặp hai sư Viên-minh, Bảo-giác, nói đâu ông liền nhận ra đến đấy. Trong năm Trinh-phù thứ tư, nhà vua làm xong ngôi chùa Chân giáo, ông bị đòi vào kinh-đô dự hội khánh-tán. Kể đó ông lại về quê sửa lại ngôi chùa Thánh-hóa, quỳn tiền đúc một quả chuông, Đến năm Trị-hình long-ưng thứ ba thì mất.

示 寂

THỊ TỊCH

秋 來 涼 氣 爽 胸 襟
 Thu lai lương khí sảng hung khâm,
 八 斗 才 高 對 月 吟
 Bát đấu tài cao đối nguyệt ngâm.
 堪 笑 禪 家 癡 鈍 客
 Kham tiếu thiền - gia sy độn khách,
 爲 將 何 語 作 傳 心 ?
 Vì tương hà ngữ tác truyền tâm ?

Dẫn chú

Bát đấu : Tám đấu. Tạ linh-vận đời Tấn thường nói : góp cả tài của thiên-hạ chỉ có một bọc, Tào-lữ-Kiến được tám đấu, ta được một đấu, còn thiên-hạ được một đấu. Câu này dùng điển đó đề nói về tài làm thơ.

Giải nghĩa

Theo nghĩa đen, bài này có thể giải là : Khi mà mùa thu đã tới, khi mát làm cho lòng dạ sáng-sủa, những người giỏi thơ như Tào - Thục, có thể đối bóng trăng mà ngâm thơ. Chỉ cười cho mình là kẻ ngây - độn ở cửa thiền, không biết nên lấy câu gì mà truyền đạo - học lại cho học-trò. Nhưng chưa rõ hai câu thứ nhất thứ hai, tác - giả muốn nói gì.

Phiên dịch

THỊ TỊCH

Em-dịu hơi thu mát cõi lòng,
 Tài thơ ngâm chọi bóng trăng trong,
 Cửa thiền những thẹn người sy độn,
 Đề lại câu gì? nghĩ chưa thông.

XX— QUẢNG-NGHIÊM THIỀN-SƯ

(Khoảng giữa thế-kỷ XII)

Ông họ Nguyễn, người ở Đan-phượng, bỏ cõi cha mẹ từ thuở còn bé, vẫn theo người cậu tên là Bảo-giác, để học đạo thiền. Sau khi Bảo-giác qua đời, ông mới «hành cước» bốn phương, chơi khắp các chùa. Nghe tin sư Trí giảng đạo ở chùa Chúc-thành, ông liền đến đó xin ở. Chẳng bao lâu, danh tiếng nổi khắp thiền-lâm, ông bèn vào ở tại chùa Thánh-ân trong huyện Siêu-loại. Bấy giờ có viên Binh-bộ thượng-thư là Phùng-dáng-Tường nghe thấy danh tiếng, liền mời ông đến ở chùa của mình. Lúc ấy ông đã phát-huy rất rõ tôn-chỉ của đạo Phật, bè bạn tới thăm, ai cũng được ông giảng bảo ít nhiều. Đến năm Thiên-tư gia-thụy thứ năm thì mất, thọ 69 tuổi.

示 疾
THỊ TẬT

離 寂 方 言 寂 滅 去
Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ,
生 無 生 後 說 無 生
Sinh vô sinh hậu thuyết vô sinh.
男 兒 自 有 衝 天 志
Nam nhi tự hữu xung thiên chí,
休 向 如 來 行 處 行
Hưu hướng như-lai hành xứ hành.

Dẫn chú

Như-lai : Tên hiệu của Phật. Theo kinh Kim-cương, vì Phật không phải từ nơi nào đến, mà cũng không hề đi đến nơi nào, cho nên gọi là Như-lai.

Giải nghĩa

Bài này ý nói : Bao giờ mình là được cõi tịch-diệt, bấy giờ sẽ nói chuyện tịch-diệt ; bao giờ mình thoát được vòng luân-hồi , bấy giờ hãy nói chuyện vô sinh (không giáng sinh nữa). Làm tài trai tự mình phải có chí khí lớn lao như thề xông lên lưng trời, không cần phải đi vào chỗ đức phật Như-lai đã đi.

Phiên dịch
THỊ TẬT

Thoát kiếp rồi bàn câu tịch-diệt,
Không sinh hãy nói chuyện siêu sinh.
Tài trai có chí xông trời thăm,
Dẫm vết Như lai uổng nhọc mình.

XXI— THƯỜNG-CHIẾU THIỀN-SƯ

(Khoảng cuối thế-kỷ XII)

Ông họ Phạm, người làng Phù-minh (tục gọi làng Nành). Trong đời Cao-tôn, đã làm đến chức Đô-tào. Sau ông bỏ quan xuất gia, theo học Quảng nghiêm thiền-sư. Rồi ông đến chùa Ông-mặc (nay là làng Hương-mặc phủ Từ - sơn, tỉnh Bắc - ninh) tuyên-dương đạo Phật. Cách ít lâu, ông bèn ở hẳn chùa đó, học trò đến học, mỗi ngày mỗi đông. Đến năm Thiên-gia bảo-hựu thứ hai thì mất. Nghe nói ông có soạn một cuốn sách gọi là Nam - thiên tự-tháp đồ, hiện nay sưu tầm chưa được.

心痛示衆

TÂM THỐNG THỊ CHÚNG

道 本 無 顏 色 -
 Đạo bản vô nhan sắc,
 新 鮮 日 日 誇 ,
 Tân tiên nhật nhật khoa.
 大 千 沙 界 外 .
 Đại thiên sa giới ngoại,
 何 處 不 爲 家 ?
 Hà xứ bất vi gia ?

Giải nghĩa

Bài này ý nói : Đạo Phật vốn là không có màu vẻ, nhưng mà ngày ngày người ta vẫn khoe cái vẻ tươi-mới của nó. Nếu đã tu hành đắc đạo, thì trong cái bầu thế-giới nhiều như hột cát, chỗ nào chẳng là nhà mình.

Phiên dịch

ĐAU BỤNG BẢO MỌI NGƯỜI

Đạo vốn không nhan sắc,
 Ngày phô vẻ rượm-rà,
 Ba nghìn đời hột cát,
 Đâu đó chẳng là nhà?

XXII — TRÍ-THIỀN

(Khoảng cuối thế-kỷ XII)

Ông người châu Phong, họ Lê, tên tục là Thước, con cháu Ngũ man vương đời Lê Đại-hành, Ông nội tên là Thuận, làm quan triều Lý, đến chức Trung-thư và được kết duyên với Kim - thành công chúa. Ông thân tên là Đặc cũng làm tới chức Minh-tư, Ông anh tên là Kiểm, được bổ chức Tam Nguyên đồ tuần-kiểm. Đến ông, thừa nhỏ vẫn theo về nghiệp rường-ốc, đã có thi đỗ, được xưng làm chức Cung-hậu thư-gia. Năm 27 tuổi, ông theo anh đến pháp tịch của sư Giới-không nghe giảng kinh Kim-cương. Khi nghe đến câu « hết thấy các phép do người làm ra, đều như giấc mơ, cảnh huyễn, bọt nước, cái bóng, như hạt móc, lại như luồng

chớp. Nền có quan-niệm như thế », ông liền cảm ngộ và tự nghĩ thầm: « Năm câu đó của đức Như-lai, thật không phải là lời nói xuông. Tất cả các phép của thế-gian, đều là hư-huyễn, chỉ có đạo Phật là thật mà thôi. Rồi đó, ông bèn cắt tóc vào chùa Từ-sơn, đêm ngày tu luyện, khổ-hạnh luôn trong sáu năm. Đạo hạnh của ông càng ngày càng cao, người đến quy-y rất nhiều. Trong hai triều Anb-tôn, Cao-tôn, ông đã nhiều lần bị nhà vua đòi ra làm quan, nhưng đều từ chối không đi.

Bấy giờ Thái-úy Tô hiến-Thành và Thái-bảo Ngô hòa-Nghĩa đối với ông vẫn giữ lễ là bậc học trò. Nhưng luôn mười năm, cả hai đều chưa biết mặt ông ra sao. Đến khi gặp ông, ai nấy mừng-rỡ. Song lúc ấy ông đã già lắm, nói được vài câu thì mất.

示太尉蘇憲誠
THỊ THÁI ÚY TÔ HIỂN THÀNH
 太保吳和義
THÁI-BẢO NGÔ HÒA-NGHĨA

既懷出素養胸中
 Ký hoài xuất tố dưỡng hung-trung,
 聞說微言，意悅從
 Văn thuyết vi ngôn, ý duyệt-tòng.
 貪欲融除千里外
 Tham dục truất trừ thiên lý ngoại,
 希夷之理日包容
 Hy di chi lý nhật bao dung

Dẫn Chú

Hy di : Theo sách Trang-Tử, cái gì trông mà không thấy gọi là hy, cái gì nghe mà không thấy gọi là di.

Giải Nghĩa

Bây này, câu đầu ý nghĩa không được rõ lắm, hình như tác giả muốn bảo hai ông Tô, Ngô như vậy : Đã muốn ra ngoài cõi tục, thì khi nghe lời huyền diệu, nên vui lòng mà theo. Rồi phải đuổi sự tham muốn ra ngoài nghìn dặm, và ngày ngày chứa chất những lẽ huyền-vi ở trong lòng mình.

Phiên Dịch

BẢO THÁI-ÚY TÔ HIỂN-THÀNH
VÀ THÁI-BẢO NGÔ HÒA-NGHĨA
 Như muốn lìa xa cõi bụi hồng,
 Vắng nghe lời diệu, hãy vui lòng,
 Đuổi ngoài nghìn dặm niềm tham muốn.
 Đề lẽ huyền-vi chứa ở trong.

XXIII. — HIỆN QUANG THIỀN-SU

(Khoảng cuối thế-kỷ XII)

Ông họ Lê, tên tục là Thuần, người thành Lãng-long. Tiếng nói êm ái, vẻ mặt xinh đẹp. Bờ cõi từ thừa còn bé, nếm đủ mùi gian-nan. Năm 11 tuổi được sư Thường-chiếu đem về nuôi và nhận cho làm học trò. Tính chất ông rất thông-minh, mỗi ngày đọc hàng vạn chữ. Không đầy mười năm, ông đã học khắp sách của tam giáo. Nhưng về tôn chỉ của Thiền-môn, chưa kịp nghiên-cứu kỹ-càng, thì sư trả lời Thường-chiếu đã mất. Sau đó, mỗi khi biện luận với ai, đều bị người ta bắt-bẻ, không được, bấy giờ ông mới hối-hận và tự than rằng: «Mình cũng như con nhà đại phú, lúc cha mẹ còn, chỉ thiết chơi bời lơ dềnh, đến khi cha mẹ mất đi, thành ra mờ mờ mịt mịt, chẳng biết của-cải của nhà đề đâu, rút lại, vẫn là một kẻ túng-thiếu». Rồi đó, ông bèn đi khắp tùng-lâm tìm thầy, tìm bạn. Lúc được Trí-thông thiền-sư bảo cho một câu, ông liền giác-ngộ bèn xin thờ làm bậc thầy. Kể đó, vì nhận một món đàn-thị của Hoa-dương công-chúa, những tiếng ong ve nổi lên âm âm, ông tự nghĩ rằng: Nếu còn lui tới với đời, khó mà tránh khỏi nhục-nhã. Rồi ông vào luôn trong núi Uyên-chùng, ở phủ Nghệ-an, theo học Pháp-giới thiền-sư. Luôn trong mười năm, chỉ dùng lá cây làm áo. Sau vì muốn sửa một nơi dưỡng lão ông bèn đến vùng Từ-sơn, cất ngôi nhà tranh mà ở. Vua Huệ-tôn có ý kính mến, mấy lần sai sứ đến vời ông đều không đi. Ở luôn trên núi đến năm thứ 11 hiệu Kiến-gia thì mất.

答 僧 問
ĐÁP TĂNG VẤN

那 以 許 由 德
Ná dĩ Hứa-Do đức,
何 知 世 幾 春?
Hà trí thế kỷ xuân?
無 爲 居 曠 野,
Vô vi cư khoáng dã,
逍 遙 自 在 人
Tiêu dao tự tại nhân.

Dẫn Chú

Hứa Do : Tên một ẩn-già ở đời vua Nghiêu.

Giải Nghĩa

Theo trong bản-chuyện, lúc sư Hiện-quang từ chối lời vờ của vua Huệ-lôn, có người sư hỏi: Hứa-thượng ở trên núi ấy làm gì? Hiện-quang liền đọc luôn mấy câu này. Đại ý tỏ rằng: Mình đã có nết giống như Hứa-Do, thì còn biết đâu cuộc đời trải mấy mùa xuân! Chẳng qua chỉ cốt im lặng ở chốn mông-mênh bát ngát, để làm một kẻ tiêu-dao tự-do mà thôi.

Phiên dịch

ĐÁP LỜI HỎI CỦA MỘT NHÀ SƯ

Họ Hứa dường quen nết,
Bao xuân mặc cõi đời,
Mông-mênh quăng đồng rộng,
Tùy ý tự dong chơi.

XXIV — TẢN VĂN

遷 都 詔 THIÊN ĐÔ CHIẾU

昔商家至盤庚五遷，周
Tích Thương gia chí Bàn-canh ngũ thiên, Chu
室逮成王三徙，豈三代
thất đại - Thành-vương tam tở, khởi tam đại
之數君俱徇己私，妄自
chi số quân câu tuận kỷ tư, vọng tự
遷徙？以其宅中圖大，爲
thiên tở？Dĩ kỳ trạch trung đồ đại, vi
億萬世子孫之計，上護
ức vạn thế tử tôn chi kế, thượng cấn
天命，下因民願，苟有便
thiên mệnh, hạ nhân dân nguyện, cẩu hữu tiện
輟改，故國祚延長風俗
chiếp cải, cố quốc tộ diên trường, phong tục

富 阜，而 丁 黎 二 氏 乃 徇
 phú phự. Nhi Đinh Lê nhị thị nãi tuận
 己 私，忽 天 命，罔 蹈 商 周
 kỷ tư, hốt thiên mệnh, vông đạo Thương Chu
 之 迹，常 安 厥 邑 于 茲，致
 chi tích, thường an quyết ấp vu tư, trí
 世 代 弗 長 算 數 短 促，百
 thế đại phất trường toán số đoản xúc, bách
 姓 耗 損，萬 物 失 宜，朕 甚 痛
 tính hao tổn, vạn vật thất nghi, trảm thậm thống
 之，不 得 不 徙。况 高 王 故
 chi, bất đắc bất tị. Huống Cao-vương cố
 都 大 羅 城，宅 天 地 區 域
 đô Đại-la thành, trạch thiên địa khu vực
 之 中，得 龍 蟠 虎 踞 之 勢
 chi trung, đắc long bàn hổ cứ chi thế
 正 南 北 東 西 之 位，使 江
 chánh nam bắc đông tây chi vị, tiện giang
 山 向 背 之 宜，其 地 廣 而
 sơn hướng bối chi nghi, kỳ địa quảng nhi
 垣 平，厥 土 高 而 爽 塏，民
 thân bình, quyết thổ cao nhi sáng khải, dân
 居 處 昏 墊 之 困，萬 物 極
 cư miệt hôn diêm chi khốn, vạn vật cực

繁 阜 之 豐 · 遍 覽 越 邦 , 斯
 phồn phú chi phong. Biển lãm Việt-bang, tư
 爲 勝 地 , 誠 四 方 輻 輳 之
 vi thắng địa, thành tứ phương bức tấu chi
 要 會 , 爲 萬 世 帝 王 之 上
 yếu hội, vi vạn thế đế vương chi thượng
 都 . 朕 欲 因 此 地 利 , 以 定
 đô. Trẫm dục nhân hử địa lợi, dĩ định
 厥 居 . 卿 等 以 爲 何 如 ?
 quyết cư. Khanh đẳng dĩ vi hà như ?

Phụ lục

Trong năm Thuận-thiên thứ nhất (1010), Thái-tổ vì thầy kinh-đồ cũ của hai nhà Đinh Lê ở Hoa-lư vừa hẹp-hòi lại vừa thấp-chũng, muốn dời ra thành Đại-la (sau đổi làm thành Thăng-long), mới đem bài này đề hỏi ý-kiến thần-dân. Tác-giả là ai, trong sử không thấy nói đến.

Dẫn chú

Thương gia: Nhà Thương, một triều-đại đời cổ nước Tàu. (1765 — 1122 trước tây lịch).

Bàn-canh : Ông vua thứ 17 của nhà Thương.

Chu thất: Nhà Chu. Một triều-đại đời trung cổ nước Tàu (1123 — 256 trước tây lịch.)

Thành vương : Ông vua thứ ba của nhà Chu,

Tam đại : Nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu.

Cao vương : Tức là Cao biền.

Đại la thành : Tức là Hà - nội bây giờ. Khi xưa Cao-Biên đóng dinh đô-hộ ở đó.

Phiên dịch

BÀI CHIẾU DỜI KÊ-CHỢ

Xưa, nhà Thương đến vua Bàn - canh năm lần dời, nhà Chu đến vua Thành-vương hai lần dời, há rằng mấy vua trong hời Tam-đại đó theo ý riêng mình mà tự cần bầy dời-dời hay sao ? Chỉ vì muốn mưu toan nghiệp lớn, ở nơi chính-giữa, lo lắng sẵn cho con cháu muôn đời, trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có tiện lợi thì thay - dời liền cho nên vận nước lâu-dài, phong-tục giàu-thịnh. Thế mà hai nhà Đinh Lê lại cứ theo ý riêng mình, quên cả mệnh trời, không noi dấu cũ của nhà Thương, nhà Chu, đề yên đô-ấp ở đây, đến nỗi triều đời không dai, số-vận ngắn-naui, trăm họ hao-sút, muôn-vật không hợp, trăm rất đau - đớn về chỗ đó, không thể không dời đi. Hướng chi, thành Đại-la là kẻ chợ cũ của Cao - vương, ở giữa trời đất bờ cõi, được thế rồng bò hồ ngòi, chính được ngôi vị của các miền nam bắc đông tây, tiện sự ngánh vào quay ra của sông núi, vùng đất của nó vừa rộng vừa bằng phẳng, mực đất của nó vừa cao vừa sáng sủa, dân ở không phải lo về sự ngập lụt, muôn vật lại được rất mực thịnh giàu. Ngắm khắp đất Việt, chỉ có đây là thắng địa, thật là nơi hội họp then chốt của bốn phương châu lại, và là nơi đô-thành bậc nhất của đế vương muôn đời ! Trẫm muốn nhân cái địa-lợi ấy để định chỗ ở, các người cho là thế nào ?

臨終遺詔

LÂM CHUNG DI CHIẾU

朕聞生物之動，無有不
 Trẫm văn sinh vật chi động, vô hữu bất
 死死者天地之大數，物
 tử. Tử giả thiên địa chi đại số, vật
 理當然，而舉世之人莫
 lý đương nhiên, nhi cử thế chi nhân mạc
 不榮生而惡死。厚葬以
 bất vinh sinh nhi ố tử, hậu táng dĩ
 棄業，重服以損性，朕其
 khí nghiệp, trọng phục dĩ tổn tính, trẫm thậm
 不取焉。予既寡德，無以
 bất thủ yên. Dư ký quả đức, vô dĩ
 安百姓，及至殂落，又使
 an bách tính, cập chí tồ lạc, hựu sử
 元元良麻在身，晨昏臨
 nguyên nguyên thôi ma tại thân, thần hôn lâm
 哭減其飲食，絕其祭祀
 khóc, giảm kỳ ẩm thực, tuyệt kỳ tế tự,
 以重予過，天下其謂予
 dĩ trọng dư quá, thiên hạ kỳ vị dư
 何？朕悼年歲而嗣大寶，
 hà? Trẫm diêu tảo tuế nhi tự đại, bảo
 居侯王上，嚴恭寅畏，五
 cư hầu vương thượng, nghiêm cung di úy, ngũ
 十有六年，賴祖宗之靈
 thập hữu lục niên, lại tổ tôn chi linh,
 皇天孚佑，四海無虞，邊
 hoàng thiên phu hựu, tứ hải vô ngu, biên

陸微聲，死得列于先君
 thùy vi cảnh, tử đắc liệt vu tiên quân
 之後幸矣，何其興哀？朕
 chi hậu, hạnh hĩ, hà kỳ hưng ai? Trẫm
 自省，故以來，忽嬰弗豫
 tự tỉnh liễm dĩ lai, hốt anh phát dự,
 病既彌留，恐不及讐誓
 bệnh ký di lưu, khủng bất cập cảnh thệ
 言嗣太子陽煥年已周
 ngôn. Tự Thái-tử Dương-Hoán niên dĩ chu
 紀，多有度，明允為誠
 kỷ, đa hữu đại độ, minh doãn đốc thành,
 忠肅恭懿，可依朕之舊
 trung túc cung ý, khả y trẫm chi cựu
 典，即皇帝位。肆爾童孺
 điển, tức hoàng đế vị. Từ nhi đồng nhũ,
 誕受厥命，繼體守業，多
 đản thụ quyết mệnh, kế thể thủ nghiệp, đa
 大前功，仍仰爾臣庶一
 đại tiền công, nhưng ngưỡng nhi thần thứ nhất
 心燭亮。咨爾伯玉，實丈
 tâm bật lượng. Từ nhi Bá Ngọc, thực trượng
 人器，飾爾戈矛，預備不
 nhân khí, sức nhi qua mâu, dự bị bất
 虞，毋替厥命。朕之瞑目
 ngu, vô thế quyết mệnh. Trẫm chi minh mục
 無遺恨矣。喪則三日釋
 vô di hận hĩ. Tang tác tam nhật thích
 服，宜止哀痛。塋則依漢
 phục, nghi chi ai thống. Táng tác y Hán

文 儉 約 爲 務, 無 別 起 墳
 Văn kiệm ước vi vụ, vô biệt khởi phần
 陵, 宜 侍 先 帝 之 側. 爾 宜
 lăng, nghi thị tiên đế chi trắc. Nhi nghi
 誠 意, 祇 聽 朕 言, 明 告 王
 thành ý, chỉ thính trẫm ngôn, minh cáo vương
 公 數 陳 內 外.
 công, phu trần nội ngoại.

Phụ lục

Tháng chạp năm thứ nhất hiệu Thiên-phù
 khánh-thọ (1127) Nhân-tôn bị bệnh. Tướng mình
 không thể qua khỏi, ngài bèn gọi Thái-úy Lưu-
 khánh-Đàm vào cung, dặn dò các việc về sau.
 Bài chiếu này do ngài nghĩ ra rồi trao tay cho
 bọn Khánh-Đàm, để bọn đó chuyển ra cho các
 đại-thần.

Dẫn chú

Dương Hoán : Tên vua Thần-lôn, con Sùng-hiền-
 hầu (em ruột Nhân-lôn). Vì Nhân-lôn không có con trai,
 mới lập cho làm thái-tử.

Bá Ngọc : Tức là Lê-bá-Ngọc, lúc đó đương giữ
 chức Vũ-vệ tướng-quân.

Phiên dịch

BÀI CHIẾU ĐỀ LẠI LÚC SẮP MẤT

Trẫm nghe : Các giống sinh - vật biết cựa,
 không có giống nào không chết. Chết là số cả của
 trời đất, lẽ phải như thế. Thế mà hết thấy người
 đời, ai cũng thích sống ghét chết, có người chôn
 cất cho hậu đến hồng cơ-nghiệp, có người đề thờ
 cho nặng đến hại tính tình, trẫm rất không ưa. Ta

đã ít đức không có cái gì làm yên trăm họ, nếu đến khi chết, lại bắt dân chúng phải mặc đồ sô-gai, sớm tối gào khóc, giảm sự ăn uống, nghỉ việc cúng tế, để làm nặng thêm cái lỗi của ta, thì thiên hạ bảo ta là người thế nào ?

Trẫm vẫn đau xót từ khi tuổi còn thơ, đã phải nổi ngôi báu, còn ở trên các bậc hầu vương, nghiêm trang kính sợ, năm mươi lẻ sáu năm trời, nhờ sức linh-thiên của tổ - tông, và sự tin giúp của hoàng thiên, bốn bề không có chuyện gì phải lo, biên thùy không có việc gì phải ngại, lúc chết được sắp hàng ở đẳng sau đức tiên - quân là may lắm rồi, can gì mà phải thương xót ?

Trẫm từ khi đi coi dân - gian gặt hái đến nay, trong mình chợt thấy không yên. Bây giờ bệnh đã trầm-trệ, sợ rằng không kịp răn bảo. Vậy Thái-tử Dương-Hoán tuổi đã vừa đầy một (1) kỷ, có nhiều độ-lượng lớn lao, lại có những nét sáng-suốt, tin-cần, trung-hậu, thành-thực, ngay-thẳng, nghiêm-trang, cung-kính, mềm-mỏng, có thể y theo phép cũ của trẫm mà lên ngôi vua. Vậy gã trẻ thơ kia, con phải kính vâng mệnh trời, nối lấy thể - thống, giữ lấy cơ-nghiệp, làm cho lớn thêm công-liệt của tiền nhân, và phải nhờ vào bầy tôi, kẻ dân của con giốc lòng giúp-đỡ.

Lại hỏi Bá - Ngọc, người thực vẫn có khí - độ người lớn ! Vậy hãy sám sửa đồng giáo của người đề ngừa những sự xảy ra. Đừng có bỏ những mệnh lệnh của trẫm !

Trẫm nhắm mắt không còn phàn nàn gì nữa.

Việc tang chế trong ba ngày phải bỏ áo chớ, và thôi hẳn sự xót thương.

Việc chôn cất, thì cứ theo cách tần - tiện của vua Văn nhà Hán, không cần xây riêng lăng mộ, nên đề trẫm được hầu bên cạnh tiên-đế.

Các người nên thành-thực cung-kính mà nghe lời nói của trẫm, rồi báo rõ cho các tước vương tước công, và bày tỏ với những người trong người ngoài!

禪 位 詔
THIÊN VỊ CHIẾU

自 古 南 越 帝 王 治 天 下
Tự cổ Nam-Việt đế vương trị thiên hạ
者 有 矣.
giả hữu hỷ.

惟 我 李 受 天 眷 命, 奄 有
Duy ngã Lý - thụ thiên quuyến mệnh, yểm hữu
四 海, 列 聖 相 承, 二 百 餘
tứ hải, liệt thánh tương thừa. nhị bách dư
年. 奈 以 上 皇 嬰 疾, 承 統
niên, nại dĩ thượng hoàng 嬰 疾, thừa thống
無 人, 國 勢 傾 危, 命 朕 受
vô nhân, quốc thế khuynh nguy, mệnh trẫm thụ
明 詔 勉 强 即 位 自 古 以
minh chiếu miễn cưỡng tức vị tự cổ dĩ
來 未 之 有 也.

嗟 朕 罹 為 女 主 才 德 俱
Ta trảm ly vì nữ - chủ, tài đức câu
傾, 輔 弼 無 人, 盜 賊 蜂 起
khuynh, phụ bực vô nhân, đạo tặc phong khởi,
安 可 秉 持 神 器 之 太 重?
an khả bình trì thần khí chi thái trọng?
朕 夙 興 夜 寐, 惟 恐 難 堪,
Trẫm túc hưng dạ寐, duy khủng nan kham,
每 念 求 賢 人 君 子, 同 輔
mỗi niệm cầu hiền nhân quân tử, đồng phụ
政 治, 夙 夜 拳 拳 於 斯 極
chính trị, túc dạ quyền quyền ư tư cực

矣。詩曰：君子好逖，求之
 hỷ. Thi viết : quân tử hảo cầu, cầu chi
 不，得寤寐思服。悠哉悠
 bát đắc. ngô my tư phục. Du tai du
 哉！今朕反覆獨算，惟得
 tai ! Kim trẫm phản phúc độc toán, duy đắc
 陳璘，文質彬彬，誠賢人
 Trần-Cánh, văn chất bân bân, thành hiền nhân
 君子之體；威儀抑抑，有
 quân tử chi thể ; uy nghi ức ức, hữu
 聖神文武之資；雖漢高
 thánh thần văn vũ chi tư : tuy Hán Cao
 唐太未之能過。想熟晨
 Đường Thái vị chi năng quá. Tưởng thực thần
 昏，驗之有素，可遜大位，
 hôn, nghiệm chi hữu tố, khả tốn đại vị,
 以慰天心，以副朕懷庶
 dĩ úy thiên tâm, dĩ phó trẫm hoài
 可同心戮力，共扶國祚
 khả đồng tâm lực lực, cộng phù quốc tộ
 以享太平之福。布告天
 dĩ hưởng thái bình chi phúc. Bố cáo thiên
 下，咸使聞知。
 hạ, hàm sử văn tri.

Phụ lục

Bài này là lời bà Chiêu-hoàng tuyên-cáo thần-
 dân trước khi truyền ngôi cho Trần-Thái-tôn (1225)
 không rõ của ai soạn ra. Ở Khâm-định Việt-sử có

sửa lại ít nhiều. Đây theo nguyên-văn của Đại-Việt sử-Ký.

Dẫn chú

Thần-khí : Đồ-thần, chỉ về ngôi vua. Lão tử có câu :

天 下 神 器 不 可 為 也

thiên hạ thần khí bất khả vi dã : đồ thần ở giữa trời, không thể làm ra được». Hai chữ «thần khí» gốc gác ở đó. Đây là lời của một vị nữ chúa mà tác giả dùng hai chữ ấy hoặc giả cũng có ngụ ý ồm ở.

Phiên dịch

BÀI CHIẾU TRUYỀN NGÔI

Từ xưa, các đấng đế vương nước Nam Việt đã có cai trị thiên hạ.

Nhà Lý ta vâng chịu mệnh trời, có cả bốn bề các vị thánh - vương nối nhau hơn hai trăm năm. Không ngờ đức Thượng - hoàng mắc bệnh, chẳng có người nào nối dõi, thế nước sắp bị nghiêng đổ, ngài mới sai trăm vâng tờ chiếu chỉ, gượng lên ngôi vua, thật là từ xưa đến nay chưa có bao giờ như thế.

Than ôi trăm là một vì chúa gái, tài đức đã kém, giúp đỡ không có ai, trộm giặc nổi lên như ong, giữ gìn sao nổi một vật quá nặng là «đồ thần» đó ?

Trăm những sớm dậy khuya ngủ, chỉ sợ gánh vác không nổi, những muốn tìm bậc hiền nhân quân tử, cùng giúp chính trị. Sớm khuya trăm vẫn canh-cánh nghĩ về chỗ đó.

Kinh thi có nói :

«Người quân tử bận tới đôi,

«Tìm mà chẳng được bồi ngùi nhớ mong.

«Man-mác trong lòng.

Nay trẫm tính đi tính lại một mình, chỉ được Trần-Cảnh « văn chất rở ràng » thật là đáng hiên-nhân quân tử : đáng điệu tai tà, rở ra trang văn vũ thánh thần», dẫu vua Cao-tổ nhà Hán vua Thái-tôn nhà Đường cũng không hơn gì. Trẫm đã hôm mai nghĩ kỹ, nghiệm xét từ lâu, có thể nhường cho ngôi cả, để yên lòng trời, để vừa bụng trẫm. Ngõ hầu giốc lòng găng sức, cùng phò ngôi nước, để hưởng cái phúc thái bình.

Vậy nay báo khắp gầm trời, đều cho nghe biết.

Kết luận

Từ đây trở nên, tất cả 23 tác-gia, vừa vận văn vừa tản-văn trên ba chục bài. Trừ Thái-tôn, Nhân-tôn và Đoàn-văn-Khâm, bao nhiêu tác-gia đều là thiền - sư ; và ngoài mấy bài tản - văn, bao nhiêu vận đều là ca-tụng thay chùa hay là thuyết - minh đạo Phật, không có gì khác.

Thấy vậy chắc có nhiều người tưởng rằng : trong đời nhà Lý, Phật giáo đã choán cả nền văn-học, Nho-giáo, Đạo giáo (đạo giáo của Lão - tử) đều không được phần nào.

Sự thực không phải như thế.

Trong hai trăm năm nhà Lý, Phật giáo tuy có thịnh - hành, nhưng các giáo khác không phải là không phát-đạt.

Riêng về Nho giáo — ở đầu cuối này đã nói — bấy giờ cũng đã có đủ số người đề dự vào các kỳ thi, tất nhiên ở ngoài rừng thiền, cũng còn có nhiều tác-phẩm.

Cứ như trong sử đã nói, thì đời Nhân - tôn, trong lúc nhà vua thăm dân cây cấy trở về, Nho,

Đạo, Thích đều có dâng thơ mừng sự được mùa của năm ấy. Lại khi Thái-tôn vào đánh Chiêm thành, bắt được một bọn nữ-nhạc đem về Thăng-long mua vui, bình như về sau cũng có đặt nhiều bài hát tiếng Ta phá vào nhạc-diệu của họ. Đó là nhữg cơ sở rằng vãng-chương đời ấy đã phát triển về nhiều phươn-giện, không phải chỉ có ở trong phạm-vi nhà chùa mà thôi. Nhưng mà những áng văn kia hoặc vì binh hỏa thiêu đốt, hoặc vì thời gian tiêu-hóa, nó đã mai - một từ lâu. Những bài này sở dĩ không bị nạn đo đều là nhờ sức duy-trì của các chùa chiền.

Bởi vì chùa - chiền có tiếng là nơi từ - bi tĩnh mịch, lửa binh ít khi bén đến. Thêm được các nhà tu hành, phần nhiều lại sẵn có nét cần thận, đối với sách vở đời trước, người nào cũng giữ một lòng tôn kính, không dám dọ - dặt. Cho nên mấy bài thuộc về Phật-giáo mới còn đến ngày nay.

Bây giờ đọc lại các bài đã chép vào đây, nếu đem bình phẩm riêng từng bài một, để tìm lấy câu văn hay, cái kết quả thật không xứng đáng.

Cổ nhiên trong gần ba chục bài văn-văn, không phải là không có bài đặc sắc. Hai bài Đường-luật của Đoàn-văn-Khâm nhờ nhẽ chải chuốt, tình-tứ lâm-ly, những cách dùng chữ đặt câu cũng rất tinh luyện, có thể ví với thơ Văn-Đường. Rồi đến bài tứ-tuyệt của Không-lộ, bài cổ-phong của Mãn-giác, bài ngũ-ngôn Đường-luật của Thái-Tôn mỗi

bài đều có một vẽ hay riêng. Của Không-lộ hay, về phiêu dật, của Mãn-giác hay về hàm xúc, của Thái-tôn thì hay ở chỗ ý-tứ chứa - chan, các bài đó có thể cho là tác phẩm ít thấy trong nghề thơ.

Nhưng ngoài mấy bài đó, hầu hết là thơ tầm thường, cơ bài lại không rõ nghĩa là khác.

Coi một chỗ đó đủ thấy trong rừng văn - chương hồi ấy, phái Nho-giáo đã tiến bộ hơn phái Phật-giáo.

Trong mấy cuốn Việt - Âm thi-tập, Toàn - Việt thi-lục, Hoàng-Việt thi - tuyển... soạn giả chỉ chọn có mấy bài hay, những bài tầm thường đều bị lược đi hết cả. Với những cuốn sách thuộc về tính-cách văn-tuyển, sự lựa lọc vẫn phải tinh tế như thế. Nhưng cũng nên biết : các vị thiền - sư chỉ là những người gõ mõ tụng-kinh, không phải thi-sỹ, nghề thơ lấy đâu được thạo như các ông cử - tử là người có tập làm thơ ? Hơn nữa, tác - phẩm của các ông ấy, phần nhiều chỉ là lời kệ, nó không được có vẻ thơ, cũng là một sự đương nhiên, không thể cầu toàn trách bị.

Vả chẳng, lịch-sử văn-học nhà Lý, giảng-giặc hơn hai trăm năm, đến nay di - sản chỉ còn được mấy chục bài. Nếu lại lọc lại một cách nghiêm khắc, thì e không còn được bao nhiêu nữa. Vì vậy ở đây tìm được bài nào, tôi phải chép lại bài ấy, để làm tài liệu cho sự khảo - cứu sau này, trừ ra

những bài không có nghĩa lý thì đành phải bỏ.

Về phần tản-văn, thì bài di-chiếu của Nhân-tôn là khá hơn hết. Tuy nó cũng có mô-phỏng bài di-chiếu của Văn đế nhà Hán, nhưng mà câu đặt rất cổ, ý nói rất rõ, ông Lê-quý-Đôn và ông Phạm-dình-Hồ khen văn nhà Lý giống văn nhà Hán, cớ lẽ chỉ về bài này. Còn hai bài nữa thì lại kém xuống một bậc. Bài thiên-đồ mạch văn rất lời-thôi, bài thiện-vị lời lẽ rất non nớt, trong cổ - văn của Tàu, không có bài nào như thế,

Nhận những chỗ đó, rồi đây đọc đến văn-học đời Trần, chúng ta sẽ thấy một cuộc tiến - bộ rất nhanh-chóng của đời ấy. Bởi vì văn học nhà Trần, so với văn-học đời Lý, thật là rục - rở gấp trăm phần.

**Những sách dùng để kê - cứu
trong cuốn này :**

- 1 — Đại-Việt sử-ký toàn thư.
- 2 — Khâm-định Việt-sử thông-dám cương mục.
- 3 — Trích-diểm thi-tập.
- 4 — Việt-âm thi-tập.
- 5 — Thiên-uyên tập anh ngữ-lục.
- 6 — Đại-Việt thông-sử.
- 7 — Kiến-văn tiểu-lục.
- 8 — Toàn-Việt thi-lục.
- 9 — Hoàng-Việt thi-tuyển.
- 10 — Hoàng-Việt văn-tuyển.
- 11 — Vũ trung tùy-bút.
- 12 — Lịch-triều hiến-chương.

VĂN-HỌC ĐỜI LÝ in lần thứ hai
do nhà sách KHAI-TRÍ xuất-bản
in tại nhà in riêng của nhà xuất-bản.
Giấy phép số 2334/XB ngày 8-11-1960
của H.Đ.K.D. Bộ Thông Tin Saigon.